

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016



CANTHOWASSCO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

THÔNG TIN CHUNG

ĐIỀU CHỈNH

ĐIỀU CHỈNH

ĐIỀU CHỈNH

ĐIỀU CHỈNH

ĐIỀU CHỈNH

ĐIỀU CHỈNH

NĂM 2016
MAY 2016

Cần Thơ, tháng 4 năm 2017



MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành & phát triển

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức & nhân sự

Tình hình đầu tư & thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững

03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Giải trình về ý kiến kiểm toán

Kế hoạch phát triển

Về việc thực hiện trách nhiệm với môi trường & xã hội

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về các mặt hoạt động của Công ty

Về Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch & định hướng

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán

HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỜI ANH
VIỆT

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành & phát triển

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800155244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 28/06/2004 thay đổi lần thứ 09 ngày 01 tháng 7 năm 2015
- Vốn điều lệ: 280.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 280.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 2A Nguyễn Trãi, Phường An Hội, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
- Số điện thoại: (0292) 381 0188
- Số fax: (0292) 381 0188
- Website: www.ctn-cantho.com.vn
- Mã cổ phiếu: CTW
- Sàn giao dịch: UpCOM

Quá trình hình thành & phát triển

➤ Giai đoạn từ 1927 - 1974

- 09/4/1927: Chính quyền tỉnh Cần Thơ và Công ty điện nước Đông Dương (S.C.E.E - Pháp) đã ký thỏa ước giao cho Công ty S.C.E.E quyền đầu tư và khai thác Nhà máy nước Cần Thơ.
- Năm 1931: Nhà máy nước xử lý nước hoàn chỉnh đầu tiên tại Cần Thơ được đưa vào khai thác.
- 13/3/1957: Nhà máy nước thứ hai, công suất ban đầu 3.700 m³/ngày được đưa vào hoạt động.
- Năm 1965: Công quản Nhà máy nước Cần Thơ được thành lập.
- Năm 1972: Công quản nhà máy nước được đổi thành Công ty Cấp thủy Cần Thơ (trực thuộc Quốc gia Sản cấp Thủy cục Sài Gòn - Bộ Công chánh).
- Năm 1973: Công ty Cấp thủy đổi tên thành Trung tâm Cấp thủy Cần Thơ.

➤ Giai đoạn từ 1975 - 2004

- 1975 - 1986: Công ty chuyển đổi 05 cơ quan chủ quản.
- Năm 1991: Công ty bàn giao Xí nghiệp Cấp nước Sóc Trăng do tách tỉnh Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng.
- 4/1998: Đưa Nhà máy nước Cần Thơ 2, công suất 40.000 m³/ngày vào sử dụng.
- 9/2002: Công ty tiếp nhận bộ phận thoát nước và đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Cần Thơ theo Quyết định số 2690/QĐ -CT.UB ngày 12/9/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ.
- Đầu năm 2004, Công ty bàn giao về tỉnh Hậu Giang 03 chi nhánh cấp nước Phụng Hiệp, Vị Thanh và Long Mỹ và chuyển thành Công ty trực thuộc TP. Cần Thơ.
- Ngày 28/6/2004, Chủ tịch UBND TP. Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 1924/QĐ-CT.UB thông qua chuyển Công ty Cấp thoát nước TP. Cần Thơ thành Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ do UBND TP. Cần Thơ sở hữu, với vốn điều lệ 125.172.457.599 đồng.



➤ Giai đoạn 2005 đến nay

- Năm 2005: Xây dựng Nhà máy nước Hưng Phú, công suất 10.000 m³/ngày.
- Năm 2007: Nâng công suất nhà máy nước Thốt Nốt tăng thêm 2.500 m³/ngày.
- Năm 2008: Xây dựng Nhà máy nước Ba Láng, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ. Đến năm 2012, Công ty thoái vốn và tư nhân hóa CTCP Cấp nước Cái Răng.
- Năm 2010: Nâng công suất Nhà máy nước Thốt Nốt, Nhà máy nước Vĩnh Thạnh thêm 2.500 m³/ngày.
- Năm 2011: Nâng công suất Nhà máy nước Cần Thơ 1 tăng thêm 5.000 m³/ngày.
- Năm 2012: Xây dựng Nhà máy nước Bông Vang, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, công suất 2.500 m³/ngày. Ngày 29/10/2012, Chủ tịch UBND TP. Cần Thơ ban hành Quyết định số 2689/QĐ - UBND về việc điều chỉnh tên Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ. Khởi đầu với Nhà máy nước công suất 121.940 m³/ngày, công suất khai thác đạt 88 ÷ 90%, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con với các đơn vị thành viên sau:
 - Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2: nắm giữ 100% vốn điều lệ.
 - Ngày 01/7/2014, Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2 đã hoàn tất cổ phần hóa và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, phần vốn tại Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 đã chuyển về UBND thành phố Cần Thơ quản lý và chính thức tách ra khỏi Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.
 - Đơn vị trực thuộc:
 - Nhà máy nước Cần Thơ 1;
 - Xí nghiệp cấp nước Hưng Phú;
 - Đội Sửa chữa đường ống;
 - Xí nghiệp Xây lắp Cấp thoát nước
 - Chi nhánh cấp nước Số 1;
 - Chi nhánh cấp nước An Bình;
 - Chi nhánh cấp nước Bông Vang.
- Ngày 20/5/2015, Công ty thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Ngày 16/9/2015, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ chính thức được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đơn đăng ký trở thành Công ty đại chúng.
- Ngày 30/9/2016, Công ty lần đầu tiên giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCOM tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất nước sạch; Kinh doanh nước sạch	3600 (chính)
2	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
3	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Dịch vụ rút hầm tự hoại; Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (hoạt động vệ sinh khai thông cống rãnh và xử lý nước thải).	3700
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước; Khảo sát địa hình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Khảo sát địa hình; Thiết kế công trình cấp thoát nước	7110
5	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	4100
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng	4290
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước	4659
8	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật tư, phụ tùng ngành cấp nước, thoát nước	3290
9	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Dặm vá đường	4330
10	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	4322
11	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm	7120
12	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai	1104
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
14	(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Địa bàn hoạt động

Công ty hoạt động và kinh doanh trên địa bàn TP. Cần Thơ.

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con

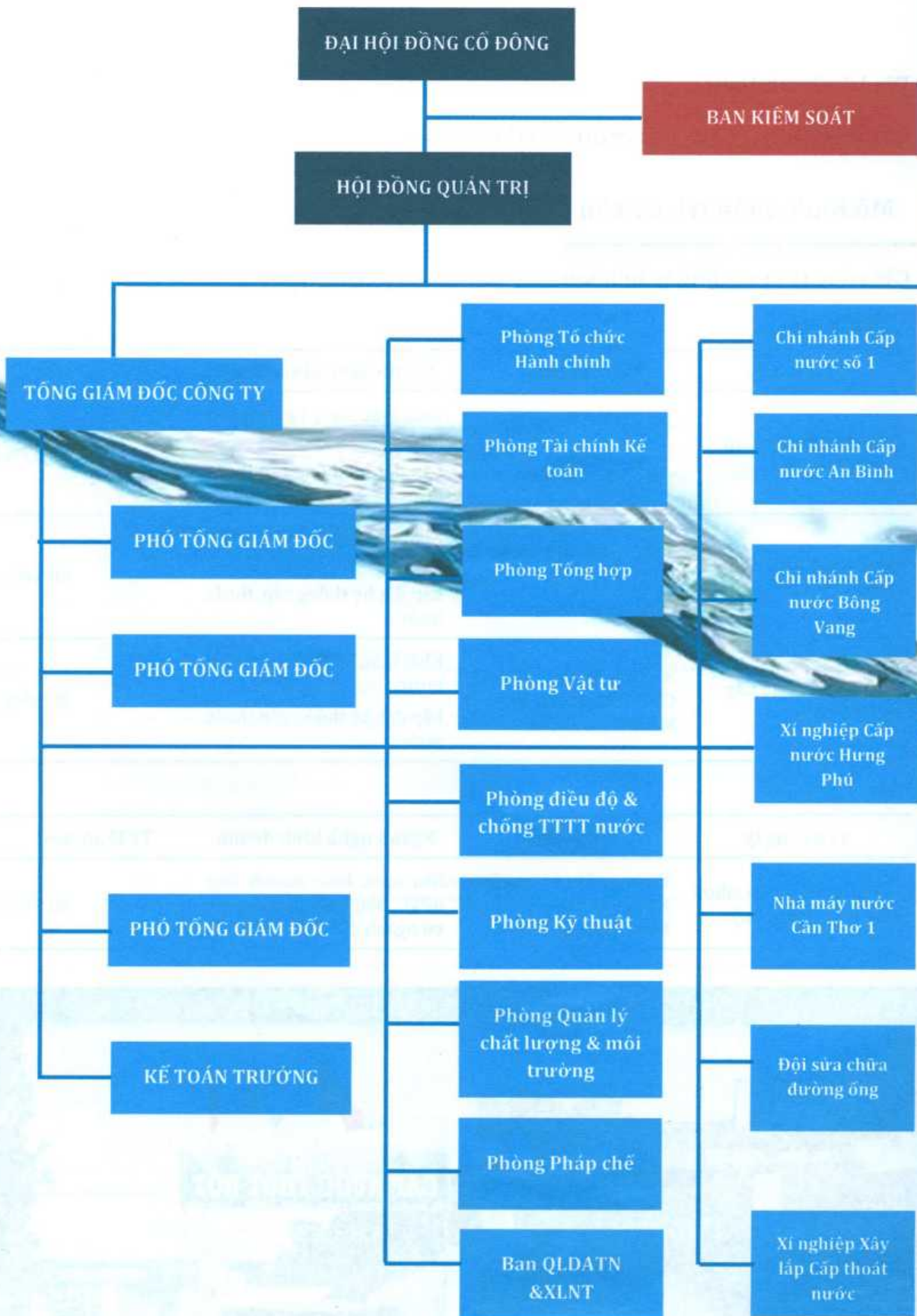
Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Số 537B, Quốc lộ 91, Long Thạnh A, phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước.	86,07%
Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc	12A, KCN Trà Nóc 2, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.	60,46%
Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn	8 Kim Đồng, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước.	85,29%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần nhựa Tân Tiến (Cần Thơ)	Đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Sản xuất, kinh doanh ống uPVC, phụ kiện HDPE phục vụ ngành cấp thoát nước	30,00%



Cơ cấu tổ chức



CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC THỐT NỐT

Trạm:
Thạnh An
Vĩnh Thạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC Ô MÔN

Trạm:
Cờ Đỏ
Thới Lai

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC TRÀ NÓC

Ban Lãnh đạo của Công ty

Stt	Họ và tên	Chức vụ
A. Hội đồng quản trị		
1	Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Phan Thị Thiên	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Hoàng Diệp Bảo Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị (từ nhiệm ngày 01/3/2017)
5	Giao Thị Yến	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Nguyễn Vĩnh Bình	Thành viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 01/3/2017)
B. Ban kiểm soát		
1	Lâm Nguyệt Thanh	Trưởng ban
2	Ngô Hồng Hạnh	Thành viên
3	Trần Thị Ngọc Loan	Thành viên
C. Ban điều hành		
1	Nguyễn Tùng Nguyên	Tổng Giám đốc
2	Phan Thị Thiên	Phó Tổng Giám đốc
3	Huỳnh Thiện Đình	Phó Tổng Giám đốc
4	Hồng Ngọc Tâm	Phó Tổng Giám đốc
5	Trần Thị Kiều Phương	Kế toán trưởng

Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị**Ông Nguyễn Hữu Lộc - Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Năm sinh	1964
Quê quán	Xã Ngọc Chúc, Huyện Giồng Riềng, Tỉnh Kiên Giang
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Địa chất + Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tổng số cổ phần sở hữu	9.805.100 cổ phần, chiếm 35,018% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	5.100 cổ phần
Đại diện sở hữu	9.800.000 cổ phần

Ông Nguyễn Tùng Nguyên - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh	1972
Quê quán	Xã Thới Hòa, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kỹ thuật
Tổng số cổ phần sở hữu	5.611.600 cổ phần, chiếm 20,04% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	11.600 cổ phần
Đại diện sở hữu	5.600.000 cổ phần

Bà Phan Thị Thiên - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1966
Quê quán	An Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh + Trung cấp Cấp thoát nước
Tổng số cổ phần sở hữu	2.525.600 cổ phần, chiếm 9,02% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	5.600 cổ phần
Đại diện sở hữu	2.520.000 cổ phần



Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh - Thành viên Hội đồng quản trị (*)

Năm sinh	1978
Quê quán	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tổng số cổ phần sở hữu	6.310.400 cổ phần, chiếm 22,54% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Đại diện sở hữu	6.310.400 cổ phần

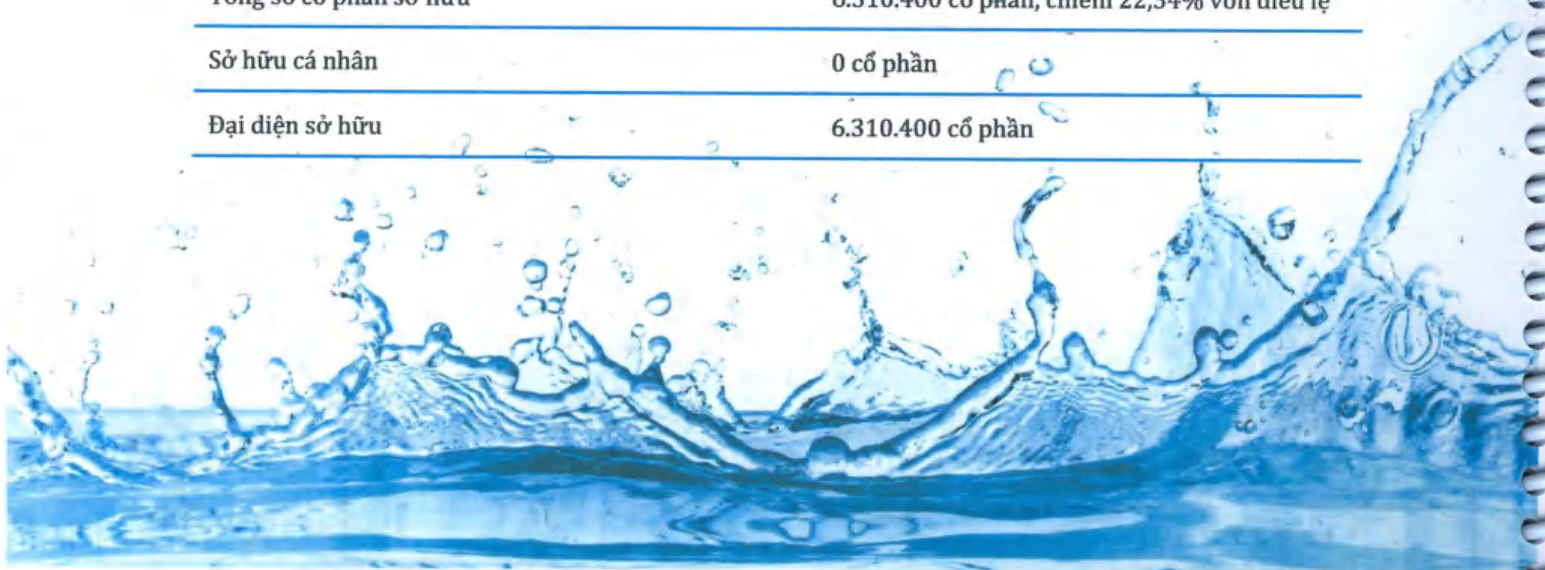
(*) Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh đã được miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 01/3/2017

Bà Giao Thị Yến - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1955
Quê quán	Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ ngành Quản trị Kinh doanh
Tổng số cổ phần sở hữu	3.374.000 cổ phần, chiếm 12,05% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Đại diện sở hữu	3.374.000 cổ phần

Ông Nguyễn Vĩnh Bình - Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1975
Quê quán	TP. Hồ Chí Minh
Tổng số cổ phần sở hữu	6.310.400 cổ phần, chiếm 22,54% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Đại diện sở hữu	6.310.400 cổ phần



Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát**Bà Lâm Nguyệt Thanh - Trưởng Ban Kiểm soát**

Năm sinh	1976
Quê quán	Phường Long Xuyên, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
Tổng số cổ phần sở hữu	5.300 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	5.300 cổ phần
Đại diện sở hữu	0 cổ phần

Bà Ngô Hồng Hạnh - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1978
Quê quán	Ô Môn, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Tổng số cổ phần sở hữu	1.300 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	1.300 cổ phần
Đại diện sở hữu	0 cổ phần



Bà Trần Thị Ngọc Loan – Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1982
Quê quán	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Tổng số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	0 cổ phần
Đại diện sở hữu	0 cổ phần

Lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc**Ông Nguyễn Tùng Nguyên – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc**

Đã trình bày ở phần Lý lịch Hội đồng quản trị

Bà Phan Thị Thiên – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Đã trình bày ở phần Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Huỳnh Thiện Đình – Phó Tổng giám đốc

Năm sinh	1967
Quê quán	Gia Hòa, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm
Tổng số cổ phần sở hữu	6.900 cổ phần, chiếm 0,025% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	6.900 cổ phần
Đại diện sở hữu	0 cổ phần



Ông Hồng Ngọc Tâm - Phó Tổng giám đốc

Năm sinh	1958
Quê quán	Huyện Trần Văn Thời, Tỉnh Cà Mau
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Tổng số cổ phần sở hữu	4.000 cổ phần, chiếm 0,014% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	4.000 cổ phần
Đại diện sở hữu	0 cổ phần

Bà Trần Thị Kiều Phương - Kế toán trưởng

Năm sinh	1965
Quê quán	Phong Đức, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính kế toán
Tổng số cổ phần sở hữu	6.100 cổ phần, chiếm 0,022% vốn điều lệ
Sở hữu cá nhân	6.100 cổ phần
Đại diện sở hữu	0 cổ phần

552
G TY
HÀN
T HƯ
THC
19.9



Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của công ty

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo lợi nhuận mục tiêu cho năm 2017.
- Đầu tư để cải tạo, nâng cấp nhà máy, trạm xử lý nước và mạng lưới cấp nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác xử lý và cung cấp nước. Phần đầu trở thành Công ty có dịch vụ cấp thoát nước hàng đầu khu vực.
- Tạo điều kiện để công nhân viên công ty được tham gia các khóa huấn luyện kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phát triển bản thân.
- Giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Mục tiêu phát triển bền vững

- Khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ môi trường nước nhằm đảm bảo nguồn cung nước sạch, có chất lượng đến người dân trong khu vực.
- Đảm bảo đời sống và việc làm của người lao động, góp phần hỗ trợ sự phát triển của dân cư trong vùng phục vụ của Công ty.
- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hướng đến nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường nước.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tìm kiếm, tuyển dụng kỹ sư chuyên ngành để từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của công ty.
- Sắp xếp và tinh giản bộ máy tổ chức, điều chỉnh nhân sự một số phòng ban nhằm đạt được hiệu quả cao trong công tác quản lý và sử dụng hiệu quả chi phí công ty.
- Áp dụng công nghệ thông tin vào hệ thống điều hành và quản lý công ty. Nâng cấp hệ thống quản trị mạng lưới cấp nước nhằm đo chính xác các thông số áp lực, lưu lượng, hạn chế tình trạng thất thoát nước.
- Tập trung phát triển các hoạt động chăm sóc khách hàng, nhằm theo sát nhu cầu thực tế và cải thiện chất lượng dịch vụ.
- Chú trọng các hoạt động Marketing, xây dựng hình ảnh và thương hiệu nhằm mục đích thu hút đầu tư, mở rộng thị trường.



Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Trong năm 2016, căng thẳng chính trị, sự thay đổi trong chính sách quản lý và thị trường tài chính biến động khiến nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp trở ngại trong việc lấy lại đà tăng trưởng. Cả ba nền kinh tế lớn nhất Thế giới đều gặp phải thách thức đáng kể: Kết quả của cuộc bầu cử Tổng thống năm 2016 tại Mỹ được dự báo sẽ thay đổi những chính sách hợp tác về kinh tế của Mỹ và các nước, kinh tế Trung Quốc cũng gặp khó khăn với đợt sụt giảm của thị trường Chứng khoán vào giữa năm, EU vẫn đang giải quyết tình trạng nợ công của các nước thành viên và vấn đề nhập cư trong điều kiện tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm hơn dự kiến.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 chỉ đạt 6,21% thấp hơn so với chỉ tiêu 6,7% cũng như mục tiêu trung bình của kế hoạch 2016-2020 là 6,5-7%. Nguyên nhân chủ yếu là do sự sụt giảm của ngành công nghiệp khai khoáng, ngành nông nghiệp chịu sự ảnh hưởng của thiên tai, sự cố môi trường Formosa và biến động của giá cả hàng hóa trên thế giới,...

Với mục tiêu “Đẩy mạnh thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế”, năm 2016 của thành phố Cần Thơ đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Trong đó Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 7,55% so với năm 2015, hoàn thành kế hoạch đặt ra là 7,5%. Đến cuối năm 2016, thành phố có 75 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 597 triệu USD, vốn thực chi 380 triệu USD. Bên cạnh đó, thành phố cũng đẩy mạnh xúc tiến du lịch và ghi nhận thành quả 5,35 triệu lượt khách, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2015.

Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ ít chịu tác động từ những yếu tố vĩ mô trên, tuy nhiên Công ty luôn theo sát tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới để có những chính sách ứng phó phù hợp.

Rủi ro môi trường

Hiện nay, nguồn nước ngày càng có nguy cơ bị ô nhiễm gây ra khó khăn nhất định cho Công ty trong việc xử lý nguồn nước nhằm đảm bảo nguồn cung nước sạch cho dân cư trong địa bàn. Mặt khác, tình trạng xâm nhập mặn cũng là vấn đề cần lưu ý trong kế hoạch cung cấp nước.

Trong thời gian gần đây, vấn đề môi trường là một trong những vấn đề được dư luận quan tâm nhất, chính vì thế, Công ty luôn nỗ lực và tiếp tục đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức được trách nhiệm khai thác nguồn nước hợp lý để duy trì tài nguyên thiên nhiên trong tương lai.

Rủi ro đặc thù ngành

Là một công ty hoạt động trong ngành cấp thoát nước, Công ty phải thực hiện những chính sách về giá nước của cơ quan quản lý, đòi hỏi Công ty phải nỗ lực kiểm soát chi phí để kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Trong thời gian sắp tới, tốc độ tăng dân số đô thị được dự báo vào khoảng 2%/năm, kéo theo nhu cầu về nước sạch tăng cao. Ngành cấp thoát nước Việt Nam nói chung và Canthowassco nói riêng cần một lượng vốn đầu tư lớn để xây các nhà máy xử lý nước mới và cải thiện hạ tầng xử lý nước hiện hữu. Tuy nhiên, xu hướng vốn ODA lại có xu hướng giảm dần đòi hỏi Công ty phải tự có những chính sách thu hút vốn xã hội, mở rộng quy mô để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước thành phố Cần Thơ, một trong 5 đô thị lớn nhất Việt Nam.

Hoạt động cung cấp nước thông qua hệ thống ống ngầm dưới mặt đất làm trở ngại trong việc phát hiện rò rỉ nước gây thất thoát cho Công ty. Bên cạnh đó, việc cung cấp nước sạch tại một số khu dân cư không tập trung, cần nhiều chi phí để đầu tư vào hệ thống ống dẫn nhưng sản lượng tiêu thụ thấp, gây áp lực đáng kể trong việc kiểm soát chi phí của Công ty.

Bên cạnh đó, ràng buộc về quy hoạch cấp nước của địa phương ảnh hưởng đến kế hoạch cấp nước an toàn và tính chủ động của Doanh nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải.

Biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt, hiện tượng hạn hán, xâm nhập mặn tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng diễn biến phức tạp có khả năng ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước cho công ty. Từ đó, ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ ổn định trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống luật và văn bản dưới luật có liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động... Trong thời gian sắp tới, hệ thống văn bản luật tại Việt Nam sẽ có những thay đổi, hướng tới xây dựng một hành lang pháp lý chặt chẽ và khoa học, nhằm xây dựng môi trường lành mạnh thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nền kinh tế. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đòi hỏi Công ty luôn cập nhật và theo sát những điều chỉnh từ môi trường pháp luật, để tránh vi phạm các quy định của pháp luật.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã kể trên, Công ty luôn có ý thức đề phòng các rủi ro bất khả kháng như hỏa hoạn, lũ lụt... Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản cho Công ty. Vì vậy, hàng năm Công ty đều tham gia ký kết các hợp đồng bảo hiểm như: bảo hiểm lao động, bảo hiểm tai nạn,... nhằm phòng ngừa và hạn chế thiệt hại nếu có xảy ra.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức & nhân sự

Tình hình đầu tư & thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Báo cáo phát triển bền vững

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH2015	KH2016	TH2016	TH2016/ TH2015	TH2016/ KH2016
Doanh thu thuần	Triệu đồng	200.351	214.000	213.527	106,58%	99,78%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	36.087	39.000	41.055	113,77%	105,27%

Kết thúc năm 2016, doanh thu thuần hợp nhất đạt 213,53 tỷ đồng, tăng 6,58% so với doanh thu thuần năm 2015, tương đương 99,78% so với con số kế hoạch đã đặt ra. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất được ghi nhận đạt 41,06 tỷ đồng, cao hơn 13,77% so với lợi nhuận năm 2015, vượt 5,27% so với kế hoạch.

Trong đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ cũng ghi nhận như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH2015	KH2016	TH2016	TH2016/ TH2015	TH2016/ KH2016
Doanh thu	Triệu đồng	152.800	161.000	157.181	102,87%	97,63%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	24.752	24.000	24.942	100,77%	103,93%

Doanh thu của Công ty mẹ đạt 157,18 tỷ đồng, cao hơn 2,87% so với cùng kỳ năm 2015 và tương đương 97,63% con số kế hoạch 2016 mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ cao hơn 190 triệu đồng so với năm 2015, đạt 24,94 tỷ đồng, vượt kế hoạch 3,93%.

Kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước

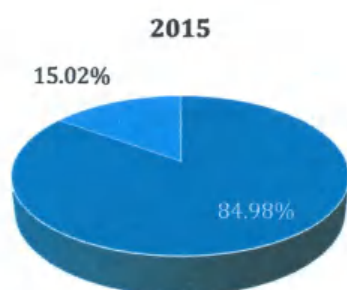
Năm 2016, Công ty mẹ đã đẩy mạnh công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch thông qua các giải pháp đồng bộ. Trong năm, Công ty mẹ đã thực hiện kiểm tra ở 22.684 vị trí, phát hiện và sửa chữa 2.484 điểm bể. Ngoài ra, Công ty mẹ cũng tiến hành kiểm tra định kỳ trên 6.000 hộ khách hàng, đã phát hiện 22 vụ vi phạm hợp đồng sử dụng nước và truy thu 198.212 m³, với số tiền là 999.632.540 đồng.

524
TY
AN
HU
HO
CA

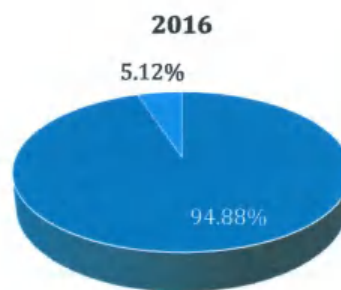


Cơ cấu doanh thu hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH2015	Tỷ trọng	TH 2016	Tỷ trọng
Doanh thu từ tiêu thụ nước và thoát nước	Triệu đồng	170.249	84,98%	202.594	94,88%
Doanh thu lắp đặt, công trình, chuyển nhượng,...	Triệu đồng	30.102	15,02%	10.933	5,12%
Tổng cộng	Triệu đồng	200.351	100%	213.527	100%



- Cấp nước và thoát nước
- Lắp đặt, công trình, chuyển nhượng,...



- Cấp nước và thoát nước
- Lắp đặt, công trình, chuyển nhượng,...

Doanh thu hợp nhất của Công ty đến từ hai mảng hoạt động, bao gồm: Mảng cấp nước, thoát nước và mảng lắp đặt, công trình, chuyển nhượng vật tư,... Trong đó, tỷ trọng của doanh thu mảng cấp thoát nước cao hơn và có xu hướng ngày càng gia tăng trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Cụ thể, năm 2016, doanh thu lĩnh vực cấp thoát nước tăng 19% đạt mức 202,59 tỷ đồng. Tỷ trọng của lĩnh vực này trong cơ cấu doanh thu tăng từ 84,98% năm 2015 lên 94,88% năm 2016. Trong khi đó, doanh thu của hoạt động lắp đặt, công trình, chuyển nhượng vật tư giảm chỉ còn 10,93 tỷ đồng tương đương 36,32% năm 2015. Tỷ trọng của mảng hoạt động này trong cơ cấu doanh thu giảm từ 15,02% còn 5,12%. Công ty đang có xu hướng tập trung mọi nguồn lực để phát triển hoạt động chính là cấp thoát nước.



Tổ chức & nhân sự

Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty mẹ

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	295	100,00
1	Trên đại học	9	3,05
2	Trình độ đại học	103	34,92
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	61	20,68
4	Trình độ khác (tốt nghiệp phổ thông)	122	41,36
II	Theo đối tượng lao động	295	100,00
1	Lao động trực tiếp	134	45,42
2	Lao động gián tiếp	161	54,58
III	Theo giới tính	295	100,00
1	Nam	241	81,69
2	Nữ	54	18,31
	Tổng cộng	295	100,00

Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	2016/ 2015
Tổng số lượng cán bộ, nhân viên	Người	289	295	102,07%
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	10.830.573	11.701.463	108,04%

Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng

Để đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, quá trình tuyển dụng đóng vai trò tiên quyết, giúp Công ty có được nguồn nhân lực có chuyên môn phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong tương lai. Tuyển chọn tốt cũng đồng nghĩa với việc giảm rủi ro trong quá trình thực hiện công việc cũng như chi phí thay đổi nhân sự. Để việc tuyển dụng phát huy hiệu quả, Công ty tiến hành xây dựng những bản mô tả công việc chi tiết với nhiệm vụ và những yêu cầu cần có. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chuẩn hóa quy trình tuyển dụng cho từng phòng ban. Nội dung của từng bước trong quy trình tuyển dụng cũng được chú trọng, cập nhật sao cho phù hợp với thực tế công việc.

Chính sách đào tạo

Xác định việc đào tạo là nguồn lực đầu tư và phát triển lâu dài, Công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài; đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn. Có chính sách khen thưởng để động viên, khuyến khích cán bộ, công nhân viên tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Ngoài ra, Công ty luôn khuyến khích cán bộ, công nhân viên tham gia các hoạt động nghiên cứu, đóng góp sáng kiến phát triển ngành cấp thoát nước đô thị nhằm phục vụ cho sự phát triển chung của toàn ngành, đáp ứng sự phát triển về kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong thời gian tới. Đồng thời, các hoạt động nghiên cứu trở thành tài sản về khoa học, công nghệ, tạo nền tảng cho các dự án phát triển về kỹ thuật tại Công ty. Trong năm 2016, hoạt động nghiên cứu của người lao động được Ủy Ban Trung Ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam trao tặng bằng khen và được công bố trong Sách vàng Sáng tạo Việt Nam năm 2016.



Môi trường làm việc

Môi trường làm việc ảnh hưởng rất lớn đến năng suất và hiệu quả công việc. Do đó, Công ty đảm bảo môi trường làm việc lành mạnh, sạch sẽ, khang trang cho tập thể người lao động. Đối với những người lao động làm việc trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ thiết bị bảo đảm an toàn cho người lao động trong quá trình thực hiện công tác.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Chính sách lương

Cán bộ công nhân viên được nhận lương theo đúng quy chế lương nội bộ Công ty và phù hợp với các quy định của Nhà Nước. Công ty luôn đảm bảo chi trả đúng thời hạn, đầy đủ, và công bằng cho người lao động. Ngoài ra, cán bộ công nhân viên Công ty được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Lao động.

Chính sách thưởng

Công ty thực hiện chi thưởng vào cuối năm. Quỹ thưởng của Công ty phụ thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty. Mức thưởng dành cho người lao động sẽ phụ thuộc vào tính chất công việc và mức độ hoàn thành công việc. Ngoài ra, đối với những cá nhân có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến vào công việc chung của toàn Công ty sẽ được cân nhắc thưởng đột xuất.

Chính sách phúc lợi

Ngoài việc thực hiện các chế độ phúc lợi theo quy định của pháp luật, Công ty còn chú trọng đến những khía cạnh khác về đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Hàng năm vào dịp Tết Nguyên Đán, Công ty luôn có chương trình thăm hỏi các cán bộ công nhân viên đã nghỉ hưu. Công ty còn có chính sách tặng thưởng cho con em của người lao động đạt thành tích cao trong học tập.

Ngoài ra, Công ty luôn tạo điều kiện để người lao động tham gia vào các hoạt động Đoàn, hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện và các hoạt động văn nghệ - thể thao khác. Bên cạnh đó, hàng năm Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tập thể người lao động và tổ chức tham quan định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ, công nhân viên.



Tình hình đầu tư & thực hiện dự án

Tình hình đầu tư vào Công ty con

Công ty thực hiện đầu tư vào 3 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt

- Trụ sở: 537B Long Thạnh A, QL91, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.
- Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt quản lý 01 Nhà máy nước và 02 trạm cấp nước với tổng công suất 13.700 m³/ngày.
 - + Nhà máy nước Thốt Nốt công suất 10.000 m³/ngày.
 - + Trạm cấp nước Thạnh An công suất 1.200 m³/ngày.
 - + Trạm cấp nước Vĩnh Thạnh công suất 2.500 m³/ngày.
- Công ty chịu trách nhiệm cấp nước tại:
 - + Khu vực đô thị quận Thốt Nốt.
 - + Khu vực đô thị Thạnh An và thị trấn Vĩnh Thạnh.
- Năm 2016, Công ty cổ phần cấp nước Thốt Nốt đạt doanh thu 22,46 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 4,72 tỷ đồng. Tỷ lệ thất thoát nước là 24,68%.
- Công ty có kế hoạch chia cổ tức 900 đồng/cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn

- Trụ sở: số 8 Kim Đồng, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.
- Công ty cổ phần cấp nước Ô Môn quản lý 01 nhà máy nước, 02 trạm cấp nước với tổng công suất 5.740 m³/ngày.
 - + Nhà máy nước Ô Môn, công suất 2.400 m³/ngày.
 - + Trạm cấp nước Thới Lai, công suất 2.500 m³/ngày.
 - + Trạm cấp nước Cờ Đỏ, công suất 840 m³/ngày.
- Năm 2016, Công ty đạt được 16,52 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận sau thuế đạt 2,88 tỷ đồng, tỷ lệ thất thoát nước là 24,76%.
- Công ty có kế hoạch chia cổ tức 1.000 đồng/cổ phiếu.



Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc

- Trụ sở: Lô 12A, Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.
- Công ty cổ phần Cấp nước Trà Nóc quản lý 01 nhà máy nước với công suất 20.000 m³/ngày.
- Công ty chịu trách nhiệm cấp nước tại:
 - + Khu Công nghiệp Trà Nóc.
 - + Khu dân cư phường Trà Nóc.
- Năm 2016, Công ty đạt được 30,31 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận sau thuế đạt 11,63 tỷ đồng. Tỷ lệ thất thoát nước 12,75%.
- Công ty thực hiện chia cổ tức 1.200 đồng/cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (Cần Thơ)

Địa chỉ: Đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Đang lập thủ tục giải thể vì hoạt động không hiệu quả.

Tình hình đầu tư dự án, công trình

Ngoài ra, trong năm 2016, Công ty còn thực hiện nhiều dự án nhằm cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước. Trong đó, phần lớn các dự án đều đã hoàn thành đúng tiến độ.

Tuy nhiên, Công ty vẫn còn 2 dự án chỉ mới hoàn thành 80% khối lượng xây lắp và sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2017. Đó chính hai dự án: Trụ uống nước tại vòi và Cải tạo mạng lưới cấp nước tại Khu dân cư 586.

Ngoài ra, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong vấn đề thực hiện các thủ tục đầu tư, khiến cho hạng mục xây dựng cơ bản còn tồn tại nhiều dự án chưa được thi công.

Đơn vị tính: đồng

Tên công trình, hạng mục	Tổng dự toán	Giá trị thanh toán	Dự kiến thanh toán chuyển năm sau
Công trình chuyển tiếp năm trước	55.555.095.970	35.372.364.197	1.729.485.969
Xây dựng cơ bản	19.967.861.507	4.383.642.994	14.874.078.957
Mở rộng mạng lưới cấp nước	102.660.979.971	58.707.934.708	22.483.721.810
Tổng cộng	178.183.937.448	98.463.941.899	39.087.286.736



552
GT
HÀ
ÁT
TH
1P

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	650.672	669.794	2,94%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	200.351	213.527	6,58%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	43.498	45.834	5,37%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	602	3.706	515,49%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	44.100	49.540	12,34%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	36.087	41.055	13,77%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	2,92	5,72(*)	

(*) Đây là tỷ lệ dự kiến cho năm 2016 đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016. Tỷ lệ chia cổ tức thực tế sẽ được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,55	3,47
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,05	3,01
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,84	44,41
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	91,72	79,90
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,83	2,84
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Vòng	0,34	0,32
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	18,01	19,23
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	11,42	11,54
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	6,14	6,22
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	21,71	21,47

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Công ty đang duy trì tính thanh khoản ở mức cao, cả hai hệ số đều thể hiện xu hướng tăng so với năm 2015. Cụ thể, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 2,05 lần lên mức 3,01 lần và hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,55 lần lên mức 3,47 lần.

Khả năng thanh toán được cải thiện là do trong năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc chi trả tiền từ việc bán cổ phần về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC), khiến cho khoản phải trả khác giảm từ 83,21 tỷ đồng xuống còn 2,41 tỷ đồng trong đó, Phải trả về cổ phần hóa 79,78 tỷ đồng đã được thanh toán hết.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động thể hiện năng lực quản lý và sử dụng nguồn lực trong các hoạt động của Công ty vẫn được duy trì ổn định. Cụ thể vòng quay hàng tồn kho đạt 2,84 lần so với 2,83 lần của năm 2015. Vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,34 xuống còn 0,32 trong năm 2016.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Do đặc thù của ngành cấp thoát nước cần đầu tư vào hệ thống nhà máy, thiết bị xử lý nước, nên Công ty sử dụng tỷ lệ nợ khá cao trong cơ cấu nguồn vốn của mình.

Trong năm 2016, hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu đều giảm. Trong đó, chỉ số nợ/tổng tài sản giảm từ 47,86% trong năm 2015 còn 44,41% trong năm 2016, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 91,75% xuống còn 79,90%. Nguyên nhân là do trong năm 2016, nợ ngắn hạn của Công ty giảm 42,04% tương đương 50,59 tỷ đồng, tổng nợ phải trả giảm, khiến tỷ trọng nợ giảm.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, Công ty đã có một năm hoạt động hiệu quả với việc các chỉ số về ROA và ROE đều tăng trong năm qua. Cụ thể, ROA tăng từ 6,14% lên mức 6,22%, ROE tăng từ 11,42% lên mức 11,54%.

Tuy nhiên, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần giảm nhẹ từ 21,71% còn 21,47%, nguyên nhân là do chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do lương cơ bản tăng và khoản trích lập dự phòng 2,02 tỷ đồng trong năm 2016.

Cơ cấu cổ đông

Thông tin về cổ phần:

Số cổ phiếu đang lưu hành: 27.998.600 cổ phiếu

Số cổ phiếu phổ thông: 28.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

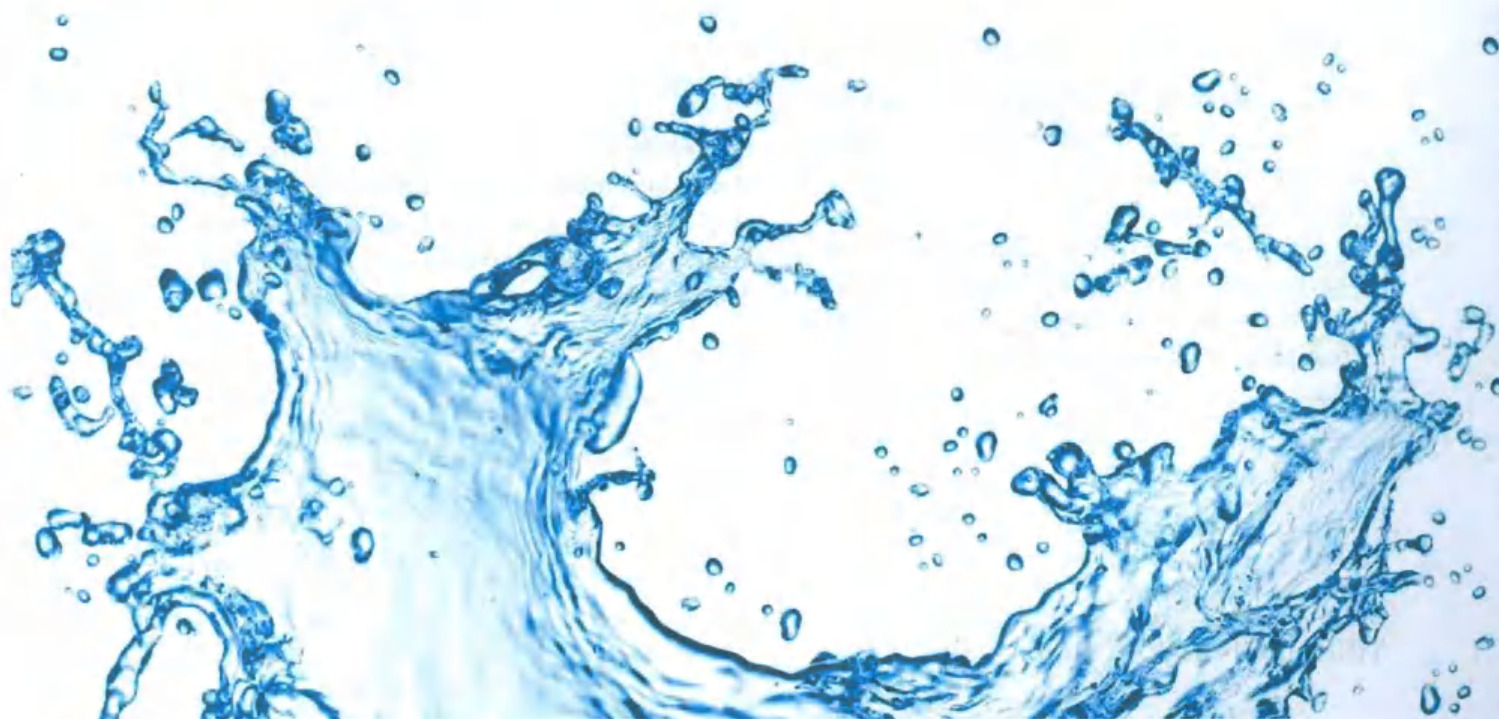
Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 3.435.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 24.565.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu quỹ: 1.400 cổ phiếu. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ đã thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ bằng cách thỏa thuận thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vào ngày 20/01/2017 với số lượng 1.400 cổ phần, giá giao dịch bình quân 7.000 đồng/cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/3/2017

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông trong nước	242	28.000.000	100%
	Cổ đông Nhà Nước	1	17.920.000	64,000%
	Cổ đông tổ chức	2	9.684.400	34,587%
	Cổ đông cá nhân	239	394.200	1,408%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	Cổ đông tổ chức	-	-	-
	Cổ đông cá nhân	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	1	1.400	0,005%
	Tổng cộng	243	28.000.000	100%



Báo cáo phát triển bền vững

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm qua, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường. Cụ thể, Công ty luôn có các phương án xử lý đối với từng loại chất thải khác nhau.

Đối với nước thải trong sản xuất: Nước thải sản xuất được thu gom vào bể lắng bùn do thiết kế bể lắng bùn có diện tích tương đối nên nước thải ở đây lắng bùn xuống đáy, lượng nước trong ở trên chảy tràn ra nguồn tiếp nhận. Để đánh giá mức độ ô nhiễm Công ty tiến hành lấy mẫu định kỳ gửi Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường TP. Cần Thơ phân tích các chỉ tiêu của nước thải theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40.

Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của công nhân nhà máy từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý trước khi thải vào môi trường tiếp nhận. Xây dựng bể tự hoại xử lý được 2 m³/ngày/đêm.

Đối với khí thải: Hoạt động sản xuất chủ yếu tiêu thụ điện năng nên không thải ra khí thải. Đối với máy phát điện chỉ sử dụng khí cúp điện đột xuất hay có thông báo của điện lực, nên nguồn phát sinh khí thải không đáng kể. Khí máy phát điện hoạt động có thải ra khí thải nhưng ống thải khí được bố trí nằm giữa khuôn viên rộng lớn của nhà máy nên không ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu dân cư. Bên cạnh đó,

Nhà máy trồng rất nhiều cây xanh nên khí thải sẽ được xử lý thông qua nhiều lớp cây xanh.

Đối với rác thải do sinh hoạt: của cán bộ công nhân viên nhà máy được thu gom cho vào các thùng riêng biệt trong thùng có lót bọc tránh rơi rớt trong quá trình vận chuyển, để cách xa khu vực ăn uống, nhà dân lân cận. Hàng ngày đơn vị thu gom rác đến thu gom tại khu vực nhà máy, rác thải khác không nguy hại như: lá cây, củi khô, các giấy vụn,... tiến hành đốt trong khuôn viên nhà máy. Bên cạnh đó, Nhà máy đã bố trí các thùng rác ở những nơi thường tập kết rác, hàng ngày, nhân viên của Công ty Cổ phần Đô thị TP. Cần Thơ đến thu gom và vận chuyển chất thải thông thường của Nhà máy đến bãi rác để xử lý.

Do đặc thù của ngành cấp nước là khai thác, sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt nên chất thải nguy hại gần như không đáng kể, nên không đáng lo ngại. Tuy nhiên, Công ty vẫn có những quy định để xử lý những loại chất thải này. Các chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính nhớt trong quá trình sửa chữa sự cố máy bơm và các bóng đèn huỳnh quang bị hư. Các chất thải nguy hại này đều tập trung vào một chỗ tại Nhà máy tìm đơn vị thu gom và xử lý để ký hợp đồng thu gom.

Save Water ... Save Life

Quản lý nguyên vật liệu

Công ty sử dụng Clo và PAC cho quá trình Clo hóa và xử lý keo tụ để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và khách hàng. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp, nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

Trong bối cảnh tình hình ô nhiễm nguồn nước ngày càng nghiêm trọng nên khối lượng sử dụng hóa chất xử lý nước tăng đáng kể. Năm 2015, khối lượng sử dụng PAC trung bình là 7g/m³, là hàm lượng PAC dành cho nước đục trung bình (500 – 700mg/l). Năm 2016, liều lượng PAC Công ty sử dụng là khoảng từ 8g – 10g/m³, đây là liều lượng dành cho nước đục cao (800 – 1.200mg/l).

Nguyên liệu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015		Thực hiện 2016	
		Tổng lượng sử dụng	Tính trên 1 m ³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên 1 m ³
Nhà máy nước Cần Thơ 1					
PAC	Kg	179.926,5	7,5 g	228.380	9,4g
Clor	Kg	33.787	1,42g	36.025	1,5g
Nhà máy nước Hưng Phú					
PAC	Kg	29.752	6,9g	37.525	7,8g
Clor	Kg	5.616	1,3g	6.580	1,4g
Nhà máy nước Bông Vang					
PAC	Kg	6.618	7,1g	9.189	9,7g
Clor	Kg	1.579	1,71g	1.145	1,2g

Công ty luôn đảm bảo các quy định về quy cách bảo quản và liều lượng sử dụng hóa chất trong xử lý nước nhằm mang lại nguồn nước sạch cho đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Tiêu thụ nước

Nước đóng vai trò là nguồn nguyên liệu đầu vào đồng thời là sản phẩm đầu ra của Công ty. Công ty sử dụng nguồn nước chủ yếu từ sông Hậu và sông Cần Thơ, kết hợp với các biện pháp kỹ thuật nhằm xử lý phèn, lắng vẩn, lọc nước,... để sản xuất nguồn nước sạch đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Y Tế QCVN01/2009/BYT



Tiêu thụ năng lượng

Công ty tiêu thụ điện năng và nhiên liệu là dầu diesel để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Điện năng chiếm phần lớn trong chi phí sản xuất nhằm phục vụ cho quá trình vận hành các thiết bị và nhà máy nước. Dầu diesel chỉ được sử dụng để chạy máy phát điện khi cúp điện. Tình hình sử dụng năng lượng trong năm qua của Công ty như sau:

Nguồn năng lượng	Đơn vị tính	Nhà máy nước Cần Thơ 1		Nhà máy nước Hưng Phú		Nhà máy nước Bông Vang	
		Tổng lượng sử dụng	Tính trên 1 m ³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên 1m ³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên 1m ³
Điện năng	kw	4.845.086	0,199	998.700	0,207	331.520	0,349
Dầu diesel	lít	3.768		3.413		884	

Trong bối cảnh sử dụng quá mức các loại nhiên liệu hóa thạch khiến trữ lượng tài nguyên này suy giảm nhanh chóng, đồng thời khiến tình trạng ô nhiễm không khí ngày càng trầm trọng, gây ra hiện tượng El Nino, đã và đang để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng cho đời sống nhân dân miền Tây Nam bộ, Công ty chủ trương sử dụng hợp lý nguồn nhiên liệu này và khuyến khích tập thể người lao động tiết kiệm nhiên liệu trong sản xuất và đời sống.

Chính sách liên quan đến người lao động

Nguồn nhân lực đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của Công ty. Chính vì thế, hàng năm, Công ty luôn tích cực chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên. Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên được làm việc trong môi trường an toàn lành mạnh, được tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý, tham gia các chuyên đề nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực bản thân. Trong năm qua, Công ty đã tổ chức khóa đào tạo Kỹ năng Lập kế hoạch và viết Báo cáo cho cán bộ quản lý. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các hoạt động văn nghệ thể thao như Liên hoan văn nghệ quần chúng hay Hội thao Chào mừng kỷ niệm 71 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9 để tăng cường giao lưu giữa các phòng ban nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết và phối hợp giữa các bộ phận trong thực hiện công tác chung.

Thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2016, Công ty đã chi 4.528.702.000 đồng cho các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cuộc sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn hoạt động. Cụ thể, Công ty đã tham gia thăm hỏi và tặng quà cán bộ, công nhân viên chức đã nghỉ hưu, hỗ trợ các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn được đến trường, thăm hỏi các gia đình chính sách nhân dịp Tết Nguyên Đán,...

Ngoài ra, Công ty cũng vận động và khuyến khích cán bộ, công nhân viên Công ty tham gia đóng góp Quỹ tấm lòng vàng, Quỹ vì người nghèo, đóng góp hỗ trợ người lao động vùng bị thiên tai, lũ lụt,... do Liên đoàn Lao động TP. Cần Thơ và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động với tổng số tiền đóng góp lên đến 129.378.811 đồng.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Giải trình về ý kiến kiểm toán

Kế hoạch phát triển

Về việc thực hiện trách nhiệm với
môi trường & xã hội

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Địa bàn hoạt động của Công ty là TP. Cần Thơ, một trong 5 thành phố trực thuộc Trung Ương với dân số ước tính đạt hơn 1,2 triệu người. Thành phố Cần Thơ là trung tâm kinh tế lớn nhất tại Đồng bằng sông Cửu Long và là một trong những địa phương đang phát triển mạnh mẽ nhất. Trong năm 2016, chính quyền thành phố đã tập trung thực hiện các giải pháp cải thiện thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy khởi nghiệp, đầu tư và mở rộng các dự án kinh doanh, giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản,... Năm 2016, thành phố thu hút được 9 dự án đầu tư mới vào các khu chế xuất và công nghiệp, 7 dự án điều chỉnh với tổng vốn đăng ký là 199,6 triệu USD. Bên cạnh đó, Cần Thơ đang đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, xây dựng sản phẩm và hợp tác, liên kết phát triển du lịch với kết quả thu được là tổng lượt khách đến đạt 5,35 triệu lượt, tăng 14% so với năm 2015, phục vụ 1,73 triệu lượt khách lưu trú, vượt 19,1% kế hoạch. Trong bối cảnh tình hình kinh tế được ổn định cùng với định hướng phát triển công nghiệp và dịch vụ du lịch, Công ty được tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư và phát triển các hoạt động kinh doanh của mình.

Tuy nhiên trong năm qua, hoạt động cấp thoát nước của Công ty cũng gặp nhiều trở ngại khi hiện thời hạn hán và xâm nhập mặn diễn biến khó lường. Với vị trí địa lý nằm ở hạ lưu sông Mekong, TP. Cần Thơ có thể đối mặt với khả năng thiếu nước ngọt vào mùa khô khi các quốc gia ở thượng nguồn như Lào và Trung Quốc đang có kế hoạch

chặn dòng nước nhằm phát triển các dự án thủy điện. Bên cạnh đó, hiện tượng biến đổi khí hậu khiến mực nước biển dâng cao, nguồn nước sông, nước ngầm ở Đồng bằng sông Cửu Long có nguy cơ nhiễm mặn. Ngoài ra, ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn chưa cao, để lại hậu quả ô nhiễm nguồn nước đang ngày càng trầm trọng, khiến cho công tác xử lý nước đòi hỏi thêm nhiều công đoạn phức tạp.

Trước những thuận lợi và khó khăn trên, Ban Tổng Giám đốc và tập thể người lao động Công ty đã nỗ lực, tận dụng mọi nguồn lực, phối hợp thực hiện và đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất đáng khích lệ. Doanh thu thuần đạt 213,53 tỷ đồng, tương đương 99,78% so với kế hoạch 214 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 41,06 tỷ đồng, vượt kế hoạch 5,27% tương đương 2,06 tỷ đồng.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ so với kế hoạch dù chưa đạt được như kỳ vọng nhưng vẫn ghi nhận những tín hiệu tích cực. Theo đó, sản lượng nước sạch Công ty mẹ thực hiện đạt 19,69 triệu m³, vượt 2,02% so với kế hoạch đề ra. Với sản lượng này, Công ty mẹ đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu nước sạch của người dân trong vùng phục vụ. Tỷ lệ thất thoát nước của Công ty mẹ được ghi nhận ở mức 34%, tiến bộ hơn so với năm 2015 tuy vẫn chưa đạt được 29% như kỳ vọng. Ngoài ra, những biện pháp kiểm soát chi phí hoạt động đã phát huy hiệu quả, mang lại lợi nhuận 24,94 tỷ đồng, vượt 3,93% so với kế hoạch đề ra.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH2016/ KH2016
Sản lượng nước sạch	Triệu m ³	18,65	19,30	19,69	102,02%
Doanh thu	Triệu đồng	152.800	161.000	157.181	97,63%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	35,25	29	34	+5%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	24.752	24.000	24.942	103,93%

Công ty đã hoàn thành cung cấp nước sạch an toàn, chất lượng và liên tục; khẩn trương thực hiện dịch vụ thoát nước theo yêu cầu của Chủ đầu tư; nộp thuế, nộp tiền thu từ cổ phần hóa và đóng bảo hiểm cho người lao động đúng đủ. Ngoài ra, Công ty cũng kịp thời triển khai các công trình cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước cho khách hàng. Một số công trình công trình sau khi đưa vào sử dụng đã góp phần gia tăng doanh thu cho Công ty, chẳng hạn như Công trình trạm tăng áp Mậu Thân, tuyến ống cấp nước rạch Cái Đồi, rạch Cái Tôm, tuyến ống D.110 rạch Chuối - Vàm Sánh, tuyến ống D.110 Tây Đô - cống chào Tân Thới, Phong Điền.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua của Công ty còn nhiều thiếu sót, chưa đáp ứng được kỳ vọng.

Tỷ lệ thất thoát nước vẫn ở mức cao.

Một số công trình mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước có thủ tục đầu tư khác phức tạp. Dù cho Ban Tổng Giám đốc luôn quan tâm, đốc thúc nhưng Công ty vẫn gặp nhiều trở ngại trong việc phối hợp với đơn vị quản lý và thi công, dẫn đến tiến độ thi công chậm. Điều này ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước, sản lượng nước tiêu thụ và tỷ lệ thất thoát nước.

Công tác quản lý khách hàng từng lúc từng nơi chưa chặt chẽ, dẫn đến một số khách hàng bên ngoài và khách hàng là cán bộ công nhân viên vi phạm hợp đồng sử dụng nước thời gian dài, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.



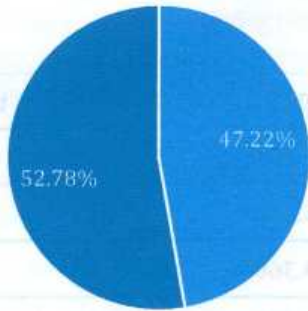
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2015	31/12/2016	% tăng trưởng
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	307.231	242.259	78,85%
Tiền và các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	65.340	10.386	15,89%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Triệu đồng	143.360	176.746	123,29%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	32.999	15.327	46,45%
Hàng tồn kho	Triệu đồng	60.535	32.638	53,92%
Tài sản ngắn hạn khác	Triệu đồng	4.996	7.162	143,35%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	343.441	427.535	124,49%
Các khoản phải thu dài hạn	Triệu đồng	782	145	18,61%
Tài sản cố định	Triệu đồng	284.683	351.012	123,30%
Tài sản dở dang dài hạn	Triệu đồng	49.662	70.087	141,13%
Đầu tư tài chính dài hạn	Triệu đồng	884	-	0,00%
Tài sản dài hạn khác	Triệu đồng	7.432	6.290	84,64%
Tổng tài sản	Triệu đồng	650.672	669.794	102,94%

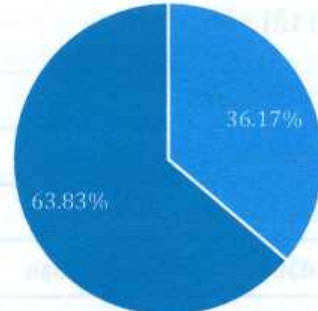


31/12/2015



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

31/12/2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Kết thúc năm 2016, tổng tài sản của Công ty tăng từ 650,67 tỷ đồng lên mức 669,79 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngắn hạn giảm từ 307,23 tỷ đồng, còn 242,56 tỷ đồng, chiếm 31,17% trong cơ cấu tổng tài sản. Tài sản dài hạn tăng từ 343,44 tỷ đồng lên mức 427,54 tỷ đồng, chiếm 63,83% tổng tài sản. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản, với giá trị tài sản cố định trị giá 351,01 tỷ đồng, là hệ thống cấp nước và các nhà máy xử lý nước của Công ty.

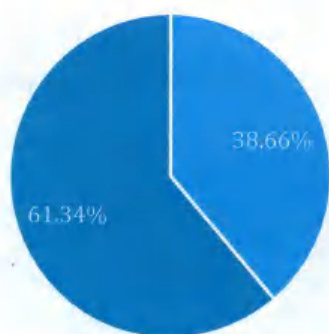
Trong năm 2016, tài sản ngắn hạn giảm mạnh chủ yếu đến từ khoản giảm ở khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, và hàng tồn kho. Cụ thể, tiền và các khoản tương đương tiền giảm từ 65,34 tỷ đồng còn 10,39 tỷ đồng vào thời điểm ngày 31/12/2016. Hàng tồn kho giảm từ 60,54 tỷ đồng còn 32,64 tỷ đồng. Khoản tài sản này được dùng để nộp khoản tiền từ bản cổ phiếu cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

Tài sản dài hạn tăng chủ yếu đến từ việc gia tăng tài sản cố định khi trong năm qua, Công ty đã đầu tư xây dựng và mở rộng hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Tình hình nợ phải trả

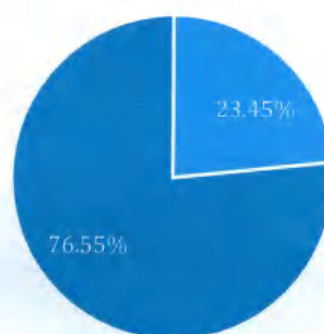
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2015	31/12/2016	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	120.342	69.747	57,96%
Phải trả người bán	Triệu đồng	7.887	11.871	150,51%
Người mua trả tiền trước	Triệu đồng	1.010	2.688	266,08%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Triệu đồng	2.859	1.295	45,28%
Phải trả người lao động	Triệu đồng	8.346	6.270	75,13%
Chi phí phải trả ngắn hạn	Triệu đồng	8.072	7.414	91,85%
Phải trả ngắn hạn khác	Triệu đồng	82.214	2.409	2,93%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng	995	1.031	103,59%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	190.947	227.730	119,26%
Phải trả dài hạn khác	Triệu đồng	185.057	204.589	110,55%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Triệu đồng	5.889	23.141	392,95%
Tổng nợ	Triệu đồng	311.289	297.477	95,56%

31/12/2015



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

31/12/2016



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Hoạt động trong ngành cấp thoát nước, Công ty phải đầu tư vào hệ thống tài sản cố định là các nhà máy nước, trang thiết bị xử lý nước. Chính vì thế, nợ dài hạn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty. Kết thúc năm 2016, tổng nợ phải trả của Công ty giảm từ 311,29 tỷ đồng còn 297,48 tỷ đồng. Trong đó, nợ dài hạn có xu hướng tăng trong khi nợ ngắn hạn giảm.

Cụ thể, nợ ngắn hạn giảm 50,59 tỷ đồng, còn 69,75 tỷ đồng, chiếm 23,45% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã hoàn tất việc nộp hết khoản tiền thu về từ bán cổ phần cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), làm cho khoản phải trả khác giảm từ 80,21 tỷ đồng còn 2,41 tỷ đồng.

Nợ dài hạn tăng từ 190,95 tỷ đồng lên mức 227,73 tỷ đồng, chủ yếu do từ phí xử lý nước thải và vay nợ dài hạn. Trong đó, khoản mục vay nợ dài hạn tăng từ 5,89 tỷ đồng lên đến 23,14 tỷ đồng, nhằm phục vụ cho việc cải tạo, nâng cấp và mở rộng mạng lưới cấp nước.

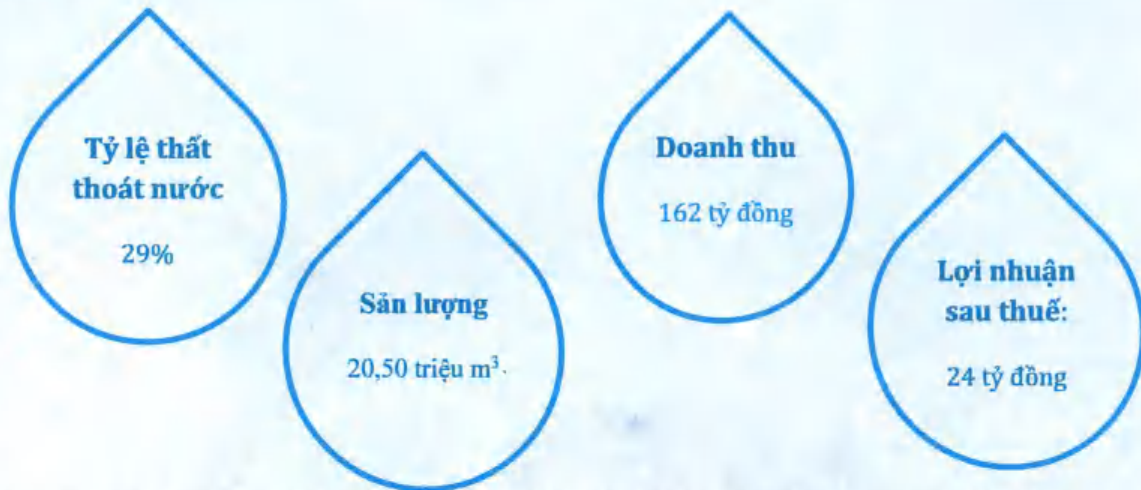
Những cải tiến trong năm

- Xây dựng và củng cố bộ máy tổ chức sắp xếp nhân sự lãnh đạo chủ chốt và người lao động ở các đơn vị để đảm bảo hoạt động hiệu quả theo mô hình mới. Cụ thể, Công ty thực hiện bổ nhiệm và bổ nhiệm lại 05 vị trí, luân chuyển cán bộ công nhân viên 17 vị trí.
- rà soát việc sử dụng lao động, bố trí lao động hợp lý, tiết kiệm chi phí, thực hiện thí điểm khoán chi phí văn phòng phẩm, điện thoại,... nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Công ty đã xây dựng và áp dụng thang bảng lương mới, trả lương theo mức độ hoàn thành công việc qua đánh giá hệ số Ki.
- Tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý doanh nghiệp và quản lý khách hàng.
- Hoàn tất các tuyến ống chuyển tải theo kịp tiến độ dự án như: Nguyễn Trãi, Hòa Bình, đường 30/4, Trần Văn Hoài, 3/2, quốc lộ 91B,... kết nối mạng lưới chuyển tải với các công ty con nhằm chủ động trong sản xuất và đảm bảo cấp nước an toàn. Nâng áp lực nước ngoài mạng, ở điểm cuối nguồn từ 0,3 bar lên 0,7 - 1,0 bar.
- Thực hiện mở rộng mạng lưới cấp nước và cải tạo phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân
- Đẩy mạnh công tác chống thất thoát nước.
- Xây dựng và hoàn thiện website nhằm công bố thông tin, chăm sóc khách hàng, đăng ký lắp đặt nước online.
- Ứng dụng và thực hiện tự động hóa trong công tác sản xuất nước của các nhà máy.
- Giám sát online các nhà máy và mạng lưới về áp lực, lưu lượng, chất lượng nước (độ đục, pH, Clo dư).

Giải trình về ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán độc lập cho Công ty là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty. Ban Tổng Giám đốc không đưa ra thêm ý kiến giải trình về vấn đề này.

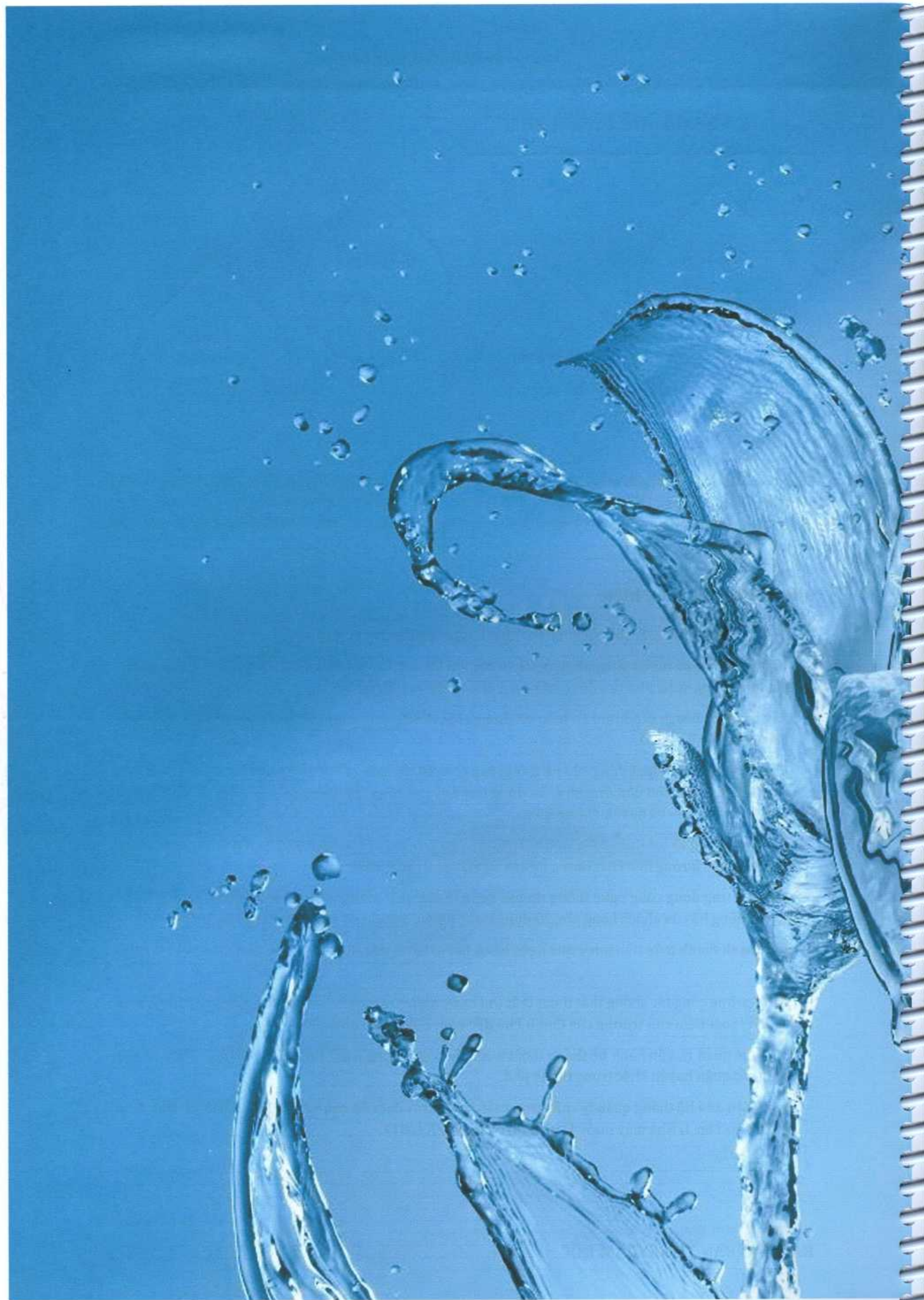
Kế hoạch phát triển 2017



Công ty mẹ đã đề ra kế hoạch hoạt động năm 2017, sẽ trình Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 sắp tới. Theo đó, Công ty mẹ đề ra mục tiêu sản xuất 20,5 triệu m³, đạt doanh thu 162 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 24 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty mẹ tiếp tục thực hiện kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước ở mức 29%.

Các biện pháp thực hiện

- Tiếp tục hoàn thiện các thể chế theo mô hình hoạt động Công ty Cổ phần.
- Hoàn thành thoả thuận vùng phục vụ cấp nước với huyện Phong Điền. Khảo sát và đánh giá nhu cầu sử dụng trong vùng phục vụ để có kế hoạch đầu tư mở mạng phù hợp.
- Xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát nước năm 2017, chương trình hành động giai đoạn 2017 – 2020.
- Phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống ống chuyển tải mới, cải thiện áp lực nước toàn khu vực, tăng lưu lượng nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước và mở rộng mạng lưới cấp nước phục vụ nhu cầu khu Nam Cần Thơ và huyện Phong Điền.
- Cải tạo bể lắng và lọc Cụm 2 Nhà máy cấp nước Cần Thơ 1 đã sử dụng trên 10 năm hiện đang bị lún, nghiêng, ảnh hưởng đến chất lượng nước và chi phí sản xuất nước.
- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý cập nhật mạng lưới, giám sát hệ thống cấp nước và các đồng hồ của khách hàng lớn, sử dụng nước nhiều, đọc chỉ số, kiểm tra đồng hồ nước online.
- Đẩy mạnh thanh toán tiền nước qua ngân hàng, hoàn thành việc thực hiện Hóa đơn điện tử và chữ ký số
- Tăng cường công tác chống thất thoát thất thu nước sạch từng bước bằng nhiều giải pháp để giảm tỷ lệ thất thoát theo chủ trương của Chính Phủ đến năm 2020 thấp hơn 25%.
- Tiếp tục quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo hợp đồng quận Ninh Kiều và Bình Thủy và mở rộng các quận huyện khác trong thành phố.
- Phấn đấu đưa hệ thống quản lý chất lượng sản xuất nước đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại Nhà máy nước Cần Thơ 1, Nhà máy nước Hưng Phú trong quý II/2017.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường & xã hội

Hoạt động trong nhóm ngành an sinh xã hội, Công ty luôn nhận thức được vai trò đối với đời sống người dân và môi trường sống trong địa bàn Công ty hoạt động. Ban Tổng Giám đốc luôn chỉ đạo tập thể người lao động phải thực hiện nghiêm túc các cam kết về chất và lượng đối với nguồn nước Công ty cung cấp. Ngoài ra, Công ty luôn đảm bảo sử dụng và bảo quản hóa chất xử lý nước theo đúng quy cách nhằm tránh gây thất thoát ra ngoài, ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực tham gia vào các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường nước, thực hành tiết kiệm nước và nâng cao nhận thức của người dân về tình trạng biến đổi khí hậu.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện chia sẻ trách nhiệm xã hội với cộng đồng thông qua các hoạt động thiện nguyện, hoạt động tình nguyện, hỗ trợ các dự án hướng đến cải thiện chất lượng cuộc sống cộng đồng.

Đối với người lao động trong Công ty, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên, quan tâm, chia sẻ và lắng nghe ý kiến về hoạt động sản xuất kinh doanh, về đời sống,... Ban Tổng Giám đốc cũng phối hợp với Công đoàn và Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động văn nghệ - thể thao nhằm gắn kết người lao động trong Công ty. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng tích cực tham gia vào các đề án nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào ngành cấp thoát nước, đồng thời động viên và khuyến khích cán bộ công nhân viên Công ty cùng tham gia. Người lao động trong Công ty được tạo điều kiện làm việc trong môi trường xanh, sạch, thoáng mát, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho các hoạt động sản xuất trực tiếp, có cơ hội để phát huy năng lực cá nhân và phát triển bản thân.

**ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch & định hướng

Về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động kinh doanh

Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo thành phố Cần Thơ và các Sở Ban ngành trong việc giải quyết những vướng mắc, kiến nghị của Công ty như: tiếp tục đặt hàng dịch vụ thoát nước trên địa bàn quận Ninh Kiều và Bình Thủy, xem xét trình cấp thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch cấp nước, phối hợp triển khai thi công các tuyến ống, xem xét thẩm định phương án điều chỉnh giá nước, xử lý một số vướng mắc trong thực hiện dự án Thoát nước & XLNT,...
- Tập thể đoàn kết tốt, đa số cán bộ, công nhân viên xác định rõ vai trò và nỗ lực thực hiện công việc phấn đấu đạt kế hoạch đã đề ra.

Khó khăn

- Nguồn nước mặt bị ảnh hưởng do môi trường nước bị ô nhiễm, dẫn đến độ màu, hàm lượng sắt, hàm lượng chất hữu cơ ngày càng tăng, khiến Công ty gặp khó khăn trong quá trình xử lý nước, phải tăng nguyên liệu và chi phí sản xuất.
- Vùng phục vụ cấp nước còn chông chéo giữa đô thị và nông thôn nên việc ký kết vùng phục vụ với địa phương (UBND huyện Phong Điền) còn vướng mắc. Hiện tại Công ty đang tiến hành đàm phán với Sở Nông Nghiệp Phát triển nông thôn về vùng phục vụ.
- Công tác chống thất thoát được đặt lên hàng đầu và là chủ đề thực hiện của 02 năm liên tiếp, Dự án chống thất thoát thu nước trên địa bàn quận Ninh Kiều đã được trình qua các Sở ngành nhưng chưa được duyệt, nên công tác triển khai đến nay vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn. Một số tuyến đường còn thiếu hoặc chưa nâng cấp ống chuyển tải, nên ảnh hưởng đến công tác phân phối nước, điều hòa áp lực.
- Trong thực hiện dự án Thoát nước & xử lý nước thải Công ty gặp nhiều khó khăn về thủ tục thực hiện các hạng mục hoàn thiện, nhằm đảm bảo vận hành đồng bộ Dự án. Mặt khác, thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản khá phức tạp nên ảnh hưởng đến việc triển khai một số công trình cấp bách, như: cải tạo bể lắng lọc cụm 2 nhà máy nước Cần Thơ 1 bị nghiêng lún, dự án chống thất thoát nước quận Ninh Kiều.

Trong năm 2016, Công ty đang từng bước bắt kịp với mô hình Công ty cổ phần và dần hoàn thiện thể chế (Quy chế tài chính). Chất lượng nước được đảm bảo, an toàn và liên tục để cung cấp cho người dân. Tập thể Ban điều hành công ty đã thể hiện tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao trong công việc. Nhờ đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục phát triển, thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Về tình hình đầu tư

Năm 2016, Hội đồng quản trị đã phê duyệt danh mục đầu tư là 178,18 tỷ đồng, trong đó Kế hoạch đầu tư năm 2016 là 117,94 tỷ đồng. Tuy nhiên, vì một số vướng mắc về thủ tục nên thực tế, tổng mức phí đầu tư vào các dự án là 98,46 tỷ đồng, thấp hơn 19,48 tỷ đồng so với kế hoạch.

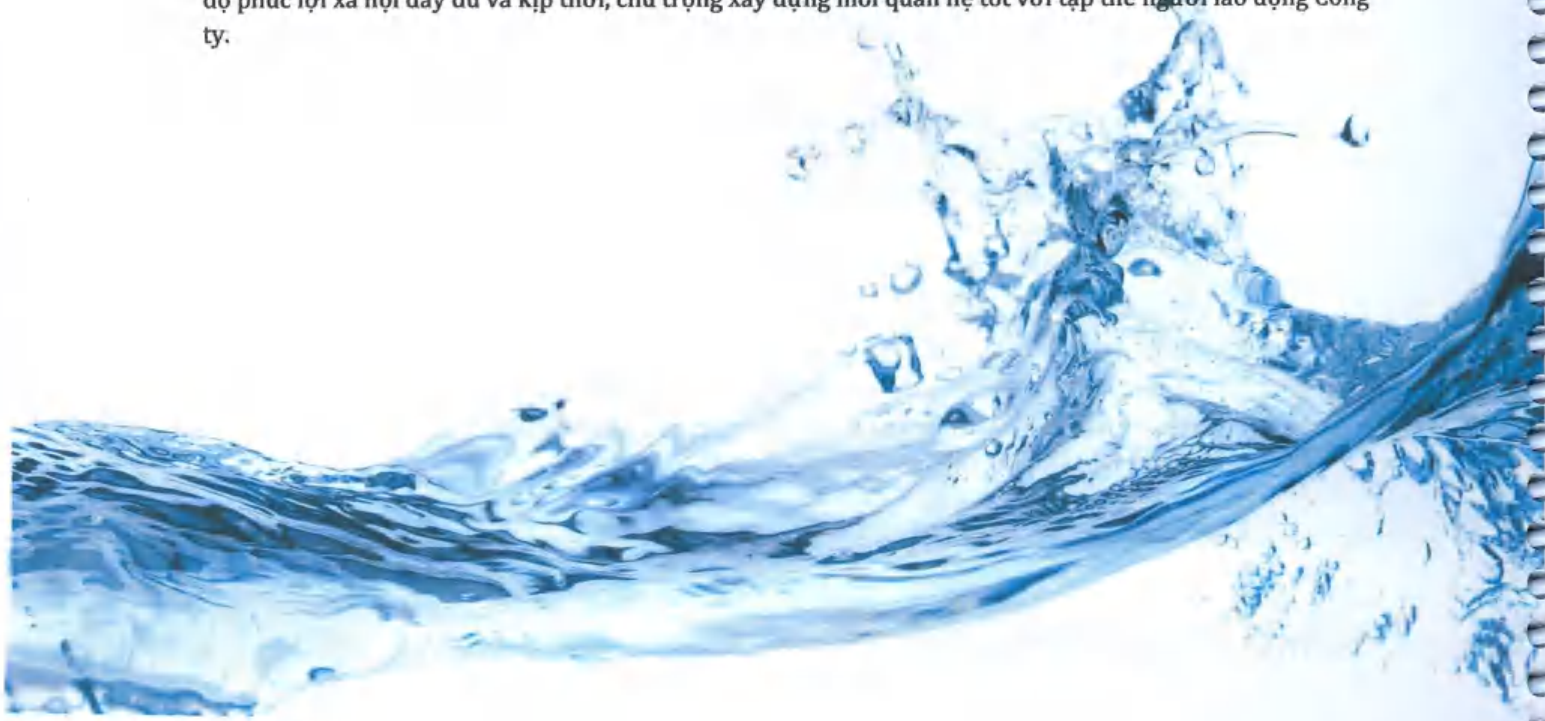
Công ty đã hoàn thành những công trình ưu tiên mở rộng mạng lưới cấp nước trong vùng phục vụ và triển khai thi công các tuyến ống chuyển tải theo kịp tiến độ các dự án như Nguyễn Trãi, Hòa Bình, Trần Văn Hoài,... kết nối chuyển tải với các công ty con nhằm chủ động trong sản xuất và đảm bảo cung cấp nước an toàn.

Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc có một năm làm việc hiệu quả khi điều hành và chỉ đạo việc thực hiện kết quả kinh doanh đạt hiệu quả tốt. Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện công tác theo đúng pháp luật và điều lệ Công ty quy định, nghiêm túc thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị nhằm đưa hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển theo đúng định hướng đề ra, đảm bảo lợi ích cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc luôn nhận thức rõ về các điểm mạnh và điểm yếu của Công ty, đồng thời cập nhật những biến động trong môi trường kinh doanh nhằm phân tích và đưa ra chỉ đạo hợp lý. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện công việc với quyết tâm cao, chỉ đạo các bộ phận phòng ban chức năng nhằm tối đa hóa hiệu quả công việc. Ban Tổng Giám đốc thường xuyên thực hiện báo cáo tình hình định kỳ với Hội đồng quản trị, tham mưu ý kiến với Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các tình huống bất ngờ, đột xuất.

Ban Tổng Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, chi trả lương thưởng và các chế độ phúc lợi xã hội đầy đủ và kịp thời, chú trọng xây dựng mối quan hệ tốt với tập thể người lao động Công ty.



Kế hoạch & định hướng

Năm 2017, dự báo nền kinh tế Việt Nam tiếp tục ổn định và duy trì đà phát triển. Thành phố Cần Thơ đặt mục tiêu phát triển kinh tế nhanh, bền vững đồng thời xây dựng và phát triển đô thị ngày càng văn minh, hiện đại, hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi để các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích nói chung và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ nói riêng duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, Công ty vẫn sẽ đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn. Chi phí đầu vào được dự báo sẽ tăng lên trong thời gian tới. Tình trạng biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng hơn tại Đồng bằng sông Cửu Long, khiến cho hoạt động xử lý nước của Công ty thêm khó khăn, đòi hỏi Công ty không ngừng cải tiến bằng cách đầu tư vào các công nghệ hiện đại trong bối cảnh quy mô vốn của Công ty còn hạn chế.

Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động của Công ty năm 2017 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty một cách linh hoạt và phù hợp trên nguyên tắc chủ động nguồn nước cung cấp, liên kết mạng lưới khu vực đảm bảo kế hoạch cấp nước an toàn cho thành phố Cần Thơ.
- Ban hành Quy chế đầu tư.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các quy chế khác.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Số: 06.16.221-HN/AISC-DNS **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ và các Công ty con (gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

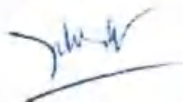
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY
Số giấy CNDKHNKT: 1871-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM VĂN VINH
Số giấy CNDKHNKT: 0112-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Báo cáo tài chính

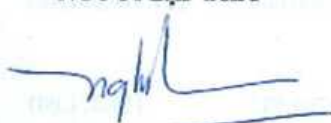
TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		242.259.100.091	307.230.748.361
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.385.577.670	65.340.473.844
	1. Tiền	111		10.385.577.670	11.971.723.844
	2. Các khoản tương đương tiền	112		-	53.368.750.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	176.746.166.667	143.360.000.000
	1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		176.746.166.667	143.360.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.326.652.621	32.999.061.937
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	11.786.865.998	12.448.210.047
	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.824.168.820	7.062.860.382
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
	6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.738.645.540	13.487.991.508
	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(2.023.027.737)	-
	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.7	32.638.208.009	60.534.856.890
	1. Hàng tồn kho	141		33.287.037.297	61.183.686.178
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(648.829.288)	(648.829.288)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		7.162.495.124	4.996.355.690
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	75.400.000	200.743.336
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.397.363.910	4.094.496.833
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		689.731.214	701.115.521
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
	5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		427.534.720.603	343.441.409.258
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		145.443.135	781.604.396
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	-	563.005.221
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	145.443.135	218.599.175
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		351.011.983.809	284.682.180.650
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	350.928.389.736	284.515.564.169
- Nguyên giá	222		616.695.556.693	522.850.952.849
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(265.767.166.957)	(238.335.388.680)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	83.594.073	166.616.481
- Nguyên giá	228		618.850.000	588.250.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(535.255.927)	(421.633.519)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	70.087.492.561	49.662.123.439
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		70.087.492.561	49.662.123.439
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	-	884.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	884.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.289.801.098	7.431.500.773
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	6.289.801.098	7.431.500.773
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		669.793.820.694	650.672.157.619

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ		300		297.476.993.065	311.288.644.869
I. Nợ ngắn hạn		310		69.746.578.933	120.341.998.648
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn		311	V.12	11.871.034.212	7.887.217.690
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.13	2.687.756.697	1.010.123.041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.14	1.294.678.686	2.859.240.526
4. Phải trả người lao động		314		6.270.138.170	8.346.504.192
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.15	7.413.838.810	8.071.585.454
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.16	2.409.141.277	83.213.611.701
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.17	30.348.635.416	4.443.650.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321	V.18	6.420.595.000	3.515.044.942
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		1.030.760.665	995.021.102
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		227.730.414.132	190.946.646.221
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.16	204.589.390.032	185.057.265.461
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.17	23.141.024.100	5.889.380.760
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	213.526.609.359	200.351.115.692
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	213.526.609.359	200.351.115.692
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	132.095.844.861	129.693.895.848
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		81.430.764.498	70.657.219.844
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.052.595.490	1.959.655.235
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.537.284.023	1.321.833.121
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.444.172.821	1.157.421.174
8. Phần lãi (/hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(884.000.000)	(2.116.000.000)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	3.262.665.635	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	30.965.680.024	25.681.188.266
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		45.833.730.306	43.497.853.692
12. Thu nhập khác	31	VI.7	7.203.659.332	1.275.611.401
13. Chi phí khác	32	VI.8	3.497.206.374	673.420.784
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.706.452.958	602.190.617
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		49.540.183.264	44.100.044.309
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	8.485.190.610	8.013.108.459
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		41.054.992.654	36.086.935.850
Cổ đông của Công ty mẹ	61		34.269.688.373	30.826.398.623
Cổ đông không kiểm soát	62		6.785.304.281	5.260.537.227
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.146	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.146	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN HOÀNG NGỌC DIỄM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ KIỀU PHƯƠNG

Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TÙNG NGUYÊN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		49.540.183.264	44.100.044.309
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	28.594.199.975	30.243.752.409
- Các khoản dự phòng	03	V.3	2.023.027.737	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		93.111.202	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(74.706.938)	(69.337.031)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	1.444.172.821	1.157.421.174
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		81.619.988.061	75.431.880.861
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		13.994.060.070	(17.224.287.410)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		27.896.648.881	(29.453.507.033)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.283.456.990)	8.910.158.398
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		1.267.043.011	529.774.369
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.444.172.821)	(1.157.421.174)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.665.234.227)	(7.238.601.147)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.875.981.002	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(96.602.708.464)	(81.188.908.730)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.658.148.523	(51.390.911.866)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(79.682.245.272)	(30.101.061.841)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		5.862.158.000	34.022.380
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(176.746.166.667)	(185.755.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		143.360.000.000	227.914.807.967
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		958.706.938	159.871.001
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(106.247.547.001)	12.252.639.507

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	100.938.016.245
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		83.642.313.818	58.729.182.674
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(40.485.685.062)	(73.267.085.401)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.429.015.250)	(2.369.253.304)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		32.727.613.506	84.030.860.214
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(54.861.784.972)	44.892.587.855
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		65.340.473.844	20.442.662.031
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(93.111.202)	5.223.958
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	10.385.577.670	65.340.473.844

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN HOÀNG NGỌC DIỄM

KÊ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ KIỀU PHƯƠNG

Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2017



TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TÙNG NGUYỄN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Cần Thơ theo Quyết định số 3602/QĐ-UBND, ngày 08/12/2014 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800155244, đăng ký lần đầu ngày 28/06/2004 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Cần Thơ cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9, ngày 01/07/2015 về việc thay đổi loại hình doanh nghiệp và tăng vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, dịch vụ, kinh doanh thương mại,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất nước sạch; Kinh doanh nước sạch.

Sản lắp mặt bằng.

Dịch vụ rút hầm tự hoại; Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (hoạt động vệ sinh khai thông cống rãnh và xử lý nước thải).

Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước; Khảo sát địa hình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình cấp thoát nước.

Xây dựng công trình dân dụng.

Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng.

Mua bán vật tư thiết bị ngành cấp thoát nước.

Sản xuất vật tư, phụ tùng ngành cấp nước, thoát nước.

Dặm vá đường.

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.

Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2016: 422 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 404 nhân viên).****7. Cấu trúc doanh nghiệp****7.1. Tổng số các Công ty con:**

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 công ty con.

7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có ba (03) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp Nước Trà Nóc	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	60,46%	60,46%	60,46%
Địa chỉ: Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.				
Công ty Cổ phần Cấp Nước Ô Môn	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	85,29%	85,29%	85,29%
Địa chỉ: Số 08 Kim Đồng, Phường Châu Văn Liêm, Quận Ô Môn, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam				
Công ty Cổ phần Cấp Nước Thốt Nốt	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	86,07%	86,07%	86,07%
Địa chỉ: Số 537B, Quốc lộ 91, Long Thạnh A, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.				

7.3. Danh sách các công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (Cần Thơ)	Sản xuất, kinh doanh ống uPVC, phụ kiện HDPE phục vụ ngành Cấp thoát nước	30,00%	30,00%	30,00%
Địa chỉ chi nhánh: Đường 30/4, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.				

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán Quý IV của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ và các Công ty con (gọi chung là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày "Công ty" thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày "Công ty" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng "Công ty" và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty", kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty" đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của "Công ty" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2016: 23.737 VND/EUR.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,...

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất nước,...

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	06 - 25 năm
<i>Máy móc, thiết bị</i>	06 - 15 năm
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	06 - 30 năm
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	03 - 10 năm
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	03 - 10 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí thi công công trình tuyến ống D400, tuyến ống cấp nước chuyển tải D600,...

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí bồi hoàn đất (tính theo diện tích thực tế sử dụng), Chi phí tái định cư, Chi phí chuyển tiền đất, Chi phí thuê đất An Bình, Giá trị thương hiệu và các chi phí khác,...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí trả trước về việc xây dựng nhà máy phân bổ theo thời gian thuê đất là 408 tháng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế hoạch vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm trích trước chi phí vật tư công trình, trích trước chi phí kiểm định, thay thế đồng hồ thuê bao & cát lọc, chi phí trang phục,... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng tiền lương.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại,...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi vay,...

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty là: 20%.

20. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

23. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
Tiền	10.385.577.670	11.971.723.844
Tiền mặt	11.849.395	19.657.190
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.373.728.275	11.952.066.654
Các khoản tương đương tiền	-	53.368.750.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	53.368.750.000
Cộng	<u>10.385.577.670</u>	<u>65.340.473.844</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính: Xem trang 36.

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	11.786.865.998	(2.023.027.737)	12.448.210.047	-
Khách hàng trong nước	11.786.865.998	(2.023.027.737)	12.448.210.047	-
Tại Chi nhánh Cấp nước số 1	1.436.210.840	-	2.636.751.080	-
Tại Xí nghiệp Cấp nước Hưng Phú	1.142.204.520	-	1.102.407.240	-
Công ty TNHH MTV PT & KD nhà Cần Thơ	1.680.521.681	-	1.259.555.924	-
Công ty TNHH Thiên Lộc	1.562.230.191	(1.562.230.191)	1.562.230.191	-
Các đối tượng khác	5.965.698.766	(460.797.546)	5.887.265.612	-
Cộng	11.786.865.998	(2.023.027.737)	12.448.210.047	-
4. Trả trước cho người bán	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.824.168.820	-	7.062.860.382	-
Nhà cung cấp trong nước	2.824.168.820	-	7.062.860.382	-
Công ty TNHH TM DV KT Đức Hùng	-	-	4.390.112.671	-
Các đối tượng khác	2.824.168.820	-	2.672.747.711	-
b. Dài hạn	-	-	563.005.221	-
Các đối tượng khác	-	-	563.005.221	-
Cộng	2.824.168.820	-	7.625.865.603	-
5. Phải thu khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.738.645.540	-	13.487.991.508	-
Trung Tâm Nước Sạch & Vệ Sinh MT Nông Thôn TPCT	-	-	10.000.000.000	-
Các khoản bảo hiểm	21.471.450	-	5.972.672	-
Tạm ứng	2.050.266.461	-	94.210.970	-
Ký quỹ ngắn hạn	59.915.000	-	-	-
Các đối tượng khác	606.992.629	-	3.387.807.866	-
b. Dài hạn	145.443.135	-	218.599.175	-
Các đối tượng khác	145.443.135	-	218.599.175	-
Cộng	2.884.088.675	-	13.706.590.683	-

6. Nợ xấu: Xem trang 37.

7. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.850.329.465	-	58.458.403.520	-
Chi phí SX, KD dở dang	2.436.707.832	(648.829.288)	2.725.282.658	(648.829.288)
Cộng	33.287.037.297	(648.829.288)	61.183.686.178	(648.829.288)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có.
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình: Xem trang 38.

9. Tài sản cố định vô hình	Phần mềm quản lý		Tổng cộng
	Nguyên giá		
Số dư đầu năm		588.250.000	588.250.000
<i>Mua trong năm</i>		30.600.000	30.600.000
Số dư cuối năm		618.850.000	618.850.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm		421.633.519	421.633.519
<i>Khấu hao trong năm</i>		113.622.408	113.622.408
Số dư cuối năm		535.255.927	535.255.927
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm		166.616.481	166.616.481
Số dư cuối năm		83.594.073	83.594.073

* Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 263.250.000 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm chờ thanh lý: Không có.

10. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang	70.087.492.561	-	49.662.123.439	-
- Mua sắm	-	-	435.700.000	-
- Xây dựng cơ bản	70.087.492.561	-	49.023.955.153	-
+ Các công trình mạng lưới cấp nước	58.481.029.634	-	39.514.229.514	-
+ Các công trình xây dựng	11.606.462.927	-	9.509.725.640	-
- Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	202.468.286	-
Cộng	70.087.492.561	-	49.662.123.439	-

11. Chi phí trả trước	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí trả trước ngắn hạn	75.400.000	200.743.336
Công cụ, dụng cụ và các chi phí khác	75.400.000	200.743.336
Chi phí trả trước dài hạn	6.289.801.098	7.431.500.773
Chi phí bồi hoàn đất	298.846.232	498.077.048
Chi phí tái định cư	274.342.008	457.236.672
Giá trị thương hiệu	257.245.625	428.742.713
Giá trị đánh giá lại CCDC	180.114.763	300.191.251
Chi phí thuê đất An Bình	117.533.332	195.888.892
Trả trước về thuê đất xây dựng nhà máy	3.159.279.881	3.264.565.649
Thủy lượng kế	1.237.867.376	-
Các khoản chi phí khác	764.571.881	2.286.798.548
Cộng	6.365.201.098	7.632.244.109

12. Phải trả người bán	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	11.871.034.212	11.871.034.212	7.887.217.690	7.887.217.690
Nhà cung cấp trong nước	11.871.034.212	11.871.034.212	7.887.217.690	7.887.217.690
Công ty Cổ Phần thiết bị Đông Đô	2.709.702.759	2.709.702.759	3.103.650.000	3.103.650.000
Công ty TNHH MTV TMDV Xây dựng Bảo Gia	899.364.300	899.364.300	500.229.251	500.229.251
Cty CP TMDV môi trường Thuận Lâm Phát	3.161.979.559	3.161.979.559	-	-
Các đối tượng khác	5.099.987.594	5.099.987.594	4.283.338.439	4.283.338.439
Cộng	11.871.034.212	11.871.034.212	7.887.217.690	7.887.217.690

13. Người mua trả tiền trước	31/12/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn	2.687.756.697	1.010.123.041
Khách hàng trong nước	2.687.756.697	1.010.123.041
Công ty CP Công Nghiệp VNI	-	403.965.034
Công trình công thoát nước đường Nguyễn Văn Cừ	785.771.242	-
Hỗ trợ di dời hệ thống cấp nước	732.771.218	-
Công ty CP Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	-	145.157.429
Các khách hàng khác	1.169.214.237	461.000.578
Cộng	2.687.756.697	1.010.123.041

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Phải nộp	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.431.057.103	8.485.190.610	10.665.234.227	940.744.700
Thuế thu nhập cá nhân	314.320.973	1.032.150.452	1.131.180.105	215.291.320
Thuế tài nguyên	53.426.240	947.754.130	935.450.270	65.730.100
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	259.442.980	259.442.980	-
Các loại thuế khác	-	19.000.000	19.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	60.436.210	853.094.216	840.617.860	72.912.566
Cộng	2.859.240.526	11.596.632.388	13.850.925.442	1.294.678.686

15. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn	7.413.838.810	8.071.585.454
Trích trước thay thế đồng hồ thuê bao & cát lọc	2.380.559.262	3.632.042.400
Trích trước chi phí thi công các công trình	3.092.153.214	2.473.994.308
Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	941.191.817	1.893.000.000
Trích trước khác	999.934.517	72.548.746
Cộng	7.413.838.810	8.071.585.454

16. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	39.025.320	23.750.260
Các khoản bảo hiểm	-	30.546.876
Phí bảo vệ môi trường	359.695.760	383.784.844
Phải trả về cổ phần hóa	-	79.776.079.948
Cổ tức	1.511.671.924	2.751.197.892
Các khoản phải trả, phải nộp khác	498.748.273	248.251.881
Cộng	2.409.141.277	83.213.611.701
b. Dài hạn		
Phí xử lý nước thải	145.309.902.209	133.987.705.409
Tiền lãi từ phí xử lý nước thải	52.340.496.908	44.062.296.178
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.938.990.915	7.007.263.874
Cộng	204.589.390.032	185.057.265.461

17. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	30.348.635.416	30.348.635.416	4.443.650.000	4.443.650.000
Vay ngắn hạn	26.308.635.416	26.308.635.416	4.443.650.000	4.443.650.000
+ Tại Công ty CP Cấp Thoát Nước Cần Thơ	25.295.797.605	25.295.797.605	3.103.650.000	3.103.650.000
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Cần Thơ	25.295.797.605	25.295.797.605	3.103.650.000	3.103.650.000
+ Tại Công ty CP Cấp Nước Ô Môn	1.012.837.811	1.012.837.811	1.340.000.000	1.340.000.000
(3) NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN. Cần Thơ	521.083.145	521.083.145	1.340.000.000	1.340.000.000
(4) NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN-CN Tây Đô	491.754.666	491.754.666	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	4.040.000.000	4.040.000.000	-	-
+ Tại Công ty CP Cấp Nước Ô Môn	1.340.000.000	1.340.000.000	-	-
(3) NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN. Cần Thơ	1.340.000.000	1.340.000.000	-	-
+ Tại Công ty CP Cấp Nước Thốt Nốt	2.700.000.000	2.700.000.000	-	-
(5) NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN-CN Tây Đô	900.000.000	900.000.000	-	-
(6) NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN. Cần Thơ	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.141.024.100	23.141.024.100	5.889.380.760	5.889.380.760
Vay ngân hàng	23.141.024.100	23.141.024.100	5.889.380.760	5.889.380.760
+ Tại Công ty CP Cấp Thoát Nước Cần Thơ	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-
(2) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Cần Thơ	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-
+ Tại Công ty CP Cấp Nước Ô Môn	4.557.380.760	4.557.380.760	5.889.380.760	5.889.380.760
(3) NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN. Cần Thơ	4.557.380.760	4.557.380.760	5.889.380.760	5.889.380.760
+ Tại Công ty CP Cấp Nước Thốt Nốt	4.583.643.340	4.583.643.340	-	-
(5) NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN-CN Tây Đô	841.463.000	841.463.000	-	-
(6) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Cần Thơ	3.742.180.340	3.742.180.340	-	-
Cộng	53.489.659.516	53.489.659.516	10.333.030.760	10.333.030.760

Thuyết minh chi tiết các khoản vay như sau:

+ Tại Công ty CP Cấp Thoát Nước Cần Thơ

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Cần Thơ theo hợp đồng số 70/VCB-CT, ngày 15/06/2016. Hạn mức vay: 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn vay: theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn (thời hạn rút vốn: tối đa 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực). Lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ. Đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Cần Thơ theo hợp đồng số 07/VCBCT, ngày 17/06/2016. Hạn mức vay: 15.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ đắp chi phí đầu tư nâng cấp mạng lưới cấp nước. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay: 7,0%/năm và điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần. Đảm bảo tiền vay: Tuyển ống cấp nước và đầu nối tuyển ống, trị giá 17,695 tỷ đồng.

+ Tại Công ty CP Cấp Nước Ô Môn

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Cần Thơ theo hợp đồng 90/VCBCT.KHBL ngày 23/12/2016. Hạn mức vay: 1 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 03 tháng theo từng lần nhận nợ. Lãi suất vay: 6,0%/năm. Đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Cần Thơ theo hợp đồng 02/VCBCT ngày 25 tháng 01 năm 2014. Hạn mức vay: 2 tỷ đồng. Mục đích vay: Thanh toán chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước huyện Thới Lai. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay: 10%/năm (thay đổi định kỳ 6 tháng/lần). Đảm bảo tiền vay: Mạng lưới cấp nước huyện Thới Lai, trị giá: 2.200.000.000 đồng.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Cần Thơ theo hợp đồng 18/VCBCT ngày 31 tháng 07 năm 2015. Hạn mức vay 6,5 tỷ đồng. Mục đích vay: Thanh toán chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Thời hạn vay: 84 tháng. Lãi suất vay: 9,3%/năm và điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần. Đảm bảo tiền vay: Hệ thống tuyển ống chuyển tải D300 gang, đang thi công tại quốc lộ 91, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ, trị giá 7.945.000.000 đồng.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP BIDV - CN. Tây Đô theo hợp đồng số 0004/2016/7613870/HĐTD ngày 17/03/2016. Hạn mức vay 500.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 03 tháng theo từng lần nhận nợ. Lãi suất vay: Theo quy định của ngân hàng. Đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

+ Tại Công ty CP Cấp Nước Thốt Nốt

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Tây Đô theo hợp đồng số 253/2015/7610763/HĐTD ngày 31/12/2015. Hạn mức vay: 4,5 tỷ đồng. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng Tuyển ống cấp nước trên Quốc lộ 80. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất vay: 8,9%/năm (áp dụng tới 31/12/2016). Đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.

(6) Khoản vay NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN. Cần Thơ theo hợp đồng 280/2016 - HĐDDA /NHCT820 - CTY CP CAP NUOC THOT NOT ngày 25/08/2016. Hạn mức vay: 12 tỷ đồng (nhưng không vượt quá 69,2% tổng chi phí đầu tư thực tế của dự án). Mục đích vay: Thực hiện công trình cải tạo nâng công suất nhà máy nước Thốt Nốt và Công trình mở rộng mạng lưới cấp nước an toàn liên Quận Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh. Thời hạn vay: 84 tháng. Lãi suất vay: 8,5%/năm (điều chỉnh 1 tháng 1 lần). Đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay và công trình cải tạo nâng công suất nhà máy nước Thốt Nốt.

18. Dự phòng phải trả	31/12/2016	01/01/2016
a. Ngắn hạn		
Dự phòng tiền lương	6.420.595.000	3.515.044.942
Cộng	6.420.595.000	3.515.044.942

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem trang 39.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2016	01/01/2016
+ Vốn góp Nhà Nước	64,00%	179.200.000.000	179.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Kỹ Thuật En Vi Ro	22,54%	63.104.000.000	63.104.000.000
+ Công ty Cổ phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	12,05%	33.740.000.000	33.740.000.000
+ Các đối tượng khác	1,41%	3.956.000.000	3.956.000.000
Cộng	100,00%	280.000.000.000	280.000.000.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có.

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: Không phát sinh.

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2016	Năm 2015
Vốn góp của chủ sở hữu	280.000.000.000	280.000.000.000
Vốn góp đầu năm	280.000.000.000	179.061.983.755
Vốn góp tăng trong năm	-	100.938.016.245
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	280.000.000.000	280.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.981.759.070	6.538.768.164
d. Cổ phiếu	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.000.000	28.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu phổ thông	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu phổ thông	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu	10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2016	01/01/2016
Quỹ đầu tư phát triển	9.406.122.289	10.455.780.837
Cộng	9.406.122.289	10.455.780.837

* Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2016		01/01/2016	
	Nguyên tệ	Giá trị (VND)	Nguyên tệ	Giá trị (VND)
EUR	€ 113.150,06	2.685.842.974	€ 113.149,51	2.750.325.140
Cộng	€ 113.150,06	2.685.842.974	€ 113.149,51	2.750.325.140

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a. Doanh thu		
Doanh thu tiêu thụ nước và thoát nước	202.593.918.593	170.249.280.544
Doanh thu lắp đặt, chuyển nhượng vật tư,...	10.932.690.766	30.101.835.148
Cộng	213.526.609.359	200.351.115.692
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần tiêu thụ nước và thoát nước	202.593.918.593	170.249.280.544
Doanh thu thuần lắp đặt, chuyển nhượng vật tư,...	10.932.690.766	30.101.835.148
Cộng	213.526.609.359	200.351.115.692
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn tiêu thụ nước và thoát nước	124.967.485.395	98.064.682.329
Giá vốn lắp đặt, chuyển nhượng vật tư,...	7.128.359.466	31.629.213.519
Cộng	132.095.844.861	129.693.895.848
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	958.706.938	1.377.704.719
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	93.888.552	581.950.516
Cộng	1.052.595.490	1.959.655.235
5. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	1.444.172.821	1.157.421.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	93.111.202	164.411.947
Cộng	1.537.284.023	1.321.833.121
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu (*)	3.262.665.635	-
Cộng	3.262.665.635	-

(*) Chi phí vật liệu bao gồm chi phí lắp đặt thủy lượng kế cho khách hàng. Năm 2016, Công ty xác định rõ và phân loại lại từ ghi nhận giá vốn sang là chi phí bán hàng cho phù hợp với bản chất chi phí và không trình bày lại thông tin so sánh.

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	17.729.428.486	16.022.158.011
Chi phí vật liệu quản lý, CCDC	702.814.103	710.199.060
Chi phí vật liệu văn phòng	991.643.665	907.926.999
Chi phí khấu hao TSCĐ	491.081.132	582.462.001
Thuế, phí, lệ phí	502.460.146	922.725.442
Chi phí lập dự phòng	2.023.027.737	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.374.642.573	1.211.672.592
Chi phí bằng tiền khác	6.150.582.182	5.324.044.161
Cộng	30.965.680.024	25.681.188.266
7. Thu nhập khác		
	Năm 2016	Năm 2015
Thanh lý công cụ dụng cụ	96.774.518	13.724.500
Thu tiền điện cầu đuôi	261.217.817	160.600.115
Thu từ tiền bồi hoàn di dời đường ống	5.862.158.000	-
Các khoản thu nhập khác	983.508.997	1.101.286.786
Cộng	7.203.659.332	1.275.611.401
8. Chi phí khác		
	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí hỗ trợ công tác xã hội	870.576.363	545.500.000
Chi phí phúng điếu	2.220.000	14.900.000
Thanh lý TSCĐ,...	2.365.597.199	71.537.031
Các khoản chi phí khác	258.812.812	41.483.753
Cộng	3.497.206.374	673.420.784
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.676.182.028	13.961.484.905
Chi phí nhân công	74.815.753.307	48.546.615.402
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.973.064.498	30.243.752.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.392.922.606	14.147.949.627
Chi phí khác bằng tiền	26.213.176.090	8.336.193.232
Cộng	206.071.098.529	115.235.995.575
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm 2016	Năm 2015
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	8.485.190.610	8.013.108.459
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.485.190.610	8.013.108.459

	Năm 2016
11. Lãi cơ bản & lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.269.688.373
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(2.168.408.409)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.168.408.409)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.101.279.964
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.146
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	1.146

(*) Không trình bày thông tin so sánh "Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu" do trên báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2015 chỉ tiêu này chỉ được trình bày từ 01/07/2015 đến 31/12/2015 (từ thời điểm cổ phần hóa).

(**): Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2016.

12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn và		Quá hạn	
	không suy giảm	Không bị suy giảm	Bị suy giảm	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Dưới 90 ngày	8.324.749.583	-	-	
>181 ngày	-	-	2.023.027.737	
Tổng cộng giá trị ghi sổ	8.324.749.583	-	2.023.027.737	
Dự phòng giảm giá trị	-	-	(2.023.027.737)	
Giá trị thuần	8.324.749.583	-	-	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Dưới 90 ngày	9.442.064.457	-	-	
>181 ngày	-	2.023.027.737	-	
Tổng cộng giá trị ghi sổ	9.442.064.457	2.023.027.737	-	
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	
Giá trị thuần	9.442.064.457	2.023.027.737	-	

12.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Các khoản vay và nợ	30.348.635.416	14.841.463.000	8.299.561.100	53.489.659.516
Phải trả người bán	11.871.034.212	-	-	11.871.034.212
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	7.912.587.083	6.938.990.915	-	14.851.577.998
	50.132.256.711	21.780.453.915	8.299.561.100	80.212.271.726
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Các khoản vay và nợ	4.443.650.000	976.962.932	4.912.417.828	10.333.030.760
Phải trả người bán	7.887.217.690	-	-	7.887.217.690
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	8.703.622.179	7.007.263.874	-	15.710.886.053
	21.034.489.869	7.984.226.806	4.912.417.828	33.931.134.503

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần tài sản cố định hữu hình hình thành trong tương lai của Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ, Công ty CP Cấp Nước Ô Môn; Công ty Cổ phần Cấp Nước Thốt Nốt làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem trang 40.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của khoản vay dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của khoản nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2016	Năm 2015
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thù lao, lương và Thành viên chủ chốt thường	4.989.724.116	4.610.859.714
Cộng		4.989.724.116	4.610.859.714

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận:

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ nước, đồng thời doanh thu chủ yếu của Công ty chi phát sinh ở địa bàn Thành phố Cần Thơ, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc không có sự khác biệt đáng kể rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN HOÀNG NGỌC DIỄM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ KIỀU PHƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TÙNG NGUYÊN

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1. Ngân hạn	176.746.166.667	176.746.166.667	143.360.000.000	143.360.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	176.746.166.667	176.746.166.667	143.360.000.000	143.360.000.000
Cộng	176.746.166.667	176.746.166.667	143.360.000.000	143.360.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị thuần	Dự phòng	Giá trị thuần	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	884.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến Cần Thơ	-	-	884.000.000	-
Cộng	-	-	884.000.000	-

6. Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.438.499.124	415.471.387	2.023.027.737	-
Chi nhánh Cấp nước số 2	27.008.360	-	27.008.360	-
Cty TNHH Kinh doanh VLXD Phan Thanh	2.476.513	-	2.476.513	-
Cty CP Nhựa Tân Tiến Cần Thơ	110.778.478	-	110.778.478	-
Cty CP Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	320.534.195	-	320.534.195	-
Cty TNHH Thiên Lộc	1.562.230.191	-	1.562.230.191	-
CN Cty CP Đầu Tư & Xây Dựng Bưu Điện	415.471.387	415.471.387	-	-

- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Chi nhánh Cấp nước số 2
Cty TNHH Kinh doanh VLXD Phan Thanh

Cty CP Nhựa Tân Tiến Cần Thơ

Cty CP Phát triển Kỹ thuật Xây dựng

Cty TNHH Thiên Lộc

CN Cty CP Đầu Tư & Xây Dựng Bưu Điện

552
TỶ
HÀM
T N
TH
P.

8. Tài sản cố định hữu hình		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Khoản mục						
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	187.484.747.912	88.450.509.022	232.721.859.291	14.193.836.624	522.850.952.849	
Mua trong năm	-	7.156.927.705	568.181.818	591.385.000	8.316.494.523	
ĐT XDCB hoàn thành	701.256.236	-	88.256.030.968	48.500.000	89.005.787.204	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.448.040.627)	-	-	
Giảm khác	-	(29.637.256)	-	-	-	
Số dư cuối năm	188.186.004.148	95.577.799.471	318.098.031.450	14.833.721.624	616.695.556.693	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	95.752.259.081	50.996.360.467	87.895.028.577	3.691.740.555	238.335.388.680	
Khấu hao trong năm	8.701.101.110	6.389.441.683	13.106.878.855	283.155.919	28.480.577.567	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.048.799.290)	-	(1.048.799.290)	
Số dư cuối năm	104.453.360.191	57.385.802.150	99.953.108.142	3.974.896.474	265.767.166.957	
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	91.732.488.831	37.454.148.555	144.826.830.714	10.502.096.069	284.515.564.169	
Số dư cuối năm	83.732.643.957	38.191.997.321	218.144.923.308	10.858.825.150	350.928.389.736	

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 16.524.794.689 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.243.848.371 VND.

19. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	179.061.983.755	1.187.732	3.465.871.954	61.806.417.096	13.321.100.003	73.936.685	4.218.144.054	30.779.180.544	292.727.821.823
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	30.826.398.623	5.260.537.227	36.086.935.850
Tặng vốn	100.938.016.245	-	-	-	-	-	5.849.762.575	-	106.787.778.820
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	343.962.983	-	389.792.504
Trích lập quỹ đầu tư phát triển,...	-	-	-	-	7.773.395.327	-	(7.773.395.327)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6.287.202.110)	(699.578.043)	(6.986.780.153)
Chuyển số dư về phải trả cổ phần hóa	-	-	-	(61.806.417.096)	(10.638.714.493)	-	(7.967.576.583)	-	(80.412.708.172)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(119.766.206)	-	(12.316.514)	(132.082.720)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.538.768.164)	(2.538.477.038)	(9.077.245.202)
Số dư cuối năm trước	280.000.000.000	1.187.732	3.465.871.954	-	10.455.780.837	-	12.671.326.051	32.789.346.176	339.383.512.750
Số dư đầu năm nay	280.000.000.000	1.187.732	3.465.871.954	-	10.455.780.837	-	12.671.326.051	32.789.346.176	339.383.512.750
Tăng theo CV	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3632/STC-TCDN	-	6.908.981.300	-	-	-	-	-	-	6.908.981.300
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng vốn	-	-	4.062.098.830	-	(3.497.437.730)	-	34.269.688.373	6.785.304.281	41.054.992.654
Trích lập quỹ đầu tư phát triển,...	-	-	-	-	2.447.779.182	-	(2.447.779.182)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(5.139.576.725)	(668.959.852)	(5.808.536.577)
Thu lại khoản tạm PPLN năm trước	-	-	-	-	-	-	34.912.130	5.648.572	40.560.702
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.016.671.200)	(2.246.012.000)	(9.262.683.200)
Số dư cuối năm nay	280.000.000.000	6.910.169.032	7.527.970.784	-	9.406.122.289	-	31.807.238.347	36.665.327.177	372.316.827.629



13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2016		01/01/2016		31/12/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	176.746.166.667	-	143.360.000.000	-	176.746.166.667	143.360.000.000
- Phải thu khách hàng	11.786.865.998	-	12.448.210.047	-	11.786.865.998	12.448.210.047
- Phải thu khác	752.435.764	-	3.606.407.041	-	752.435.764	3.606.407.041
- Kỳ quỹ, ký cược	59.915.000	-	-	-	59.915.000	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	10.385.577.670	-	65.340.473.844	-	10.385.577.670	65.340.473.844
TỔNG CỘNG	199.730.961.099	-	224.755.090.932	-	199.730.961.099	224.755.090.932
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	53.489.659.516	-	10.333.030.760	-	53.489.659.516	10.333.030.760
- Phải trả người bán	11.871.034.212	-	7.887.217.690	-	11.871.034.212	7.887.217.690
- Chi phí phải trả	7.413.838.810	-	8.071.585.454	-	7.413.838.810	8.071.585.454
- Phải trả khác	7.437.739.188	-	7.639.300.599	-	7.437.739.188	7.639.300.599
TỔNG CỘNG	80.212.271.726	-	33.931.134.503	-	80.212.271.726	33.931.134.503

Cần Thơ, ngày 25 tháng 4 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tùng Nguyên



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Địa chỉ: 2A, Nguyễn Trãi, phường An Hội, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

ĐT: (0292) 3810188

Fax: (0292) 3810188

Website: www.ctn-can Tho.com.vn

